TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Số: 54 /TB-CN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 3 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (Dowaco).
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48, CMT 8, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Điện thoại: (0251) 3843 316 Fax: (0251) 3847 149
- Website: www.dowaco.vn
- Mã chứng khoán: DNW
- Người công bố thông tin: **Nguyễn Cao Hà**
- Chức danh: TV.HĐQT, Phó Giám đốc Công ty.
- Loại thông tin công bố:

☑ Định kỳ ☐ 24h ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai *(đính kèm Báo cáo)*.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày ..27../3/2024 tại đường dẫn *https://dowaco.vn/quan-he-co-dong*.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.

E:/HIEN/CÔNG TY/CBTT/BCQT2024

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Nguyễn Cao Hà

Digitally signed by CÔNG TY C PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
DN: cn=CÔNG TY C PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI c=VN l=Thành phố Biên Hòa
Reason:
Location:
Date: 2024-03-27 17:17+07:00

DOWACO

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2023

CHƯƠNG 1
THÔNG TIN CHUNG

4 Thông tin khái quát.
5 Quá trình hình thành và phát triển.
6 Các giải thưởng.
7 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
8 Sơ đồ tổ chức.
11 Định hướng phát triển.
12 Các rủi ro

CHƯƠNG 2
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

16 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
18 Tổ chức nhân sự.
21 Tình hình đầu tư thực hiện dự án.
23 Tình hình tài chính.
26 Cơ cấu cổ đông.
28 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

CHƯƠNG 3
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

30 Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh.
31 Tình hình tài chính.
32 Những cải tiến trong năm 2022.
33 Kế hoạch phát triển trong tương lai.
33 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.

CHƯƠNG 4
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

35 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động công ty.
35 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.
36 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG 5
QUẢN TRỊ CÔNG TY

38 Hội đồng quản trị.
43 Ban kiểm soát.
45 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích.

CHƯƠNG 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023

48 Ý kiến kiểm toán.
48 Báo cáo tài chính

Nước sạch cho cuộc sống xanh!

CHƯƠNG 1
THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khai quát.	4
Quá trình hình thành và phát triển.	5
Các giải thưởng tiêu biểu.	6
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	7
Sơ đồ tổ chức.	8
Định hướng phát triển.	11
Các rủi ro.	12

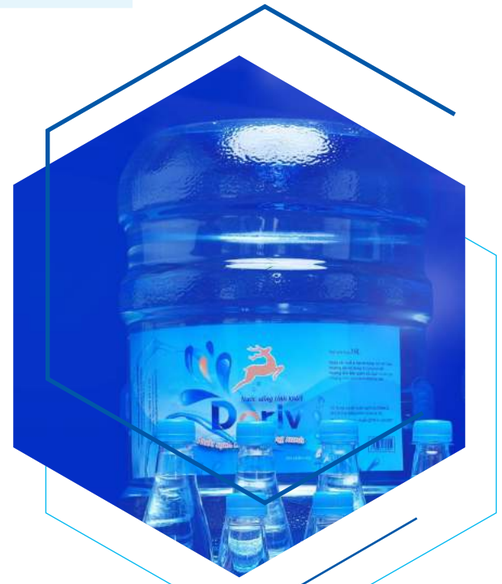

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Tên tiếng anh	DONG NAI WATER JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 07/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 26/9/2022
Vốn điều lệ	1.200.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	Số 48, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại	(0251) 3843 316
Số fax	(0251) 3847 149
Website	dowaco.vn
Mã cổ phiếu	DNW

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1928-1967

1928-1967
Nhà máy nước Biên Hòa do người Pháp thiết kế và xây dựng với công suất là .1.450m3/ngày

1967
Cơ quan viện trợ của chính phủ Úc tài trợ xây dựng thêm 1 cụm xử lý mới với công suất 15.000m3/ ngày. Tổng công suất là .16.500m3/ngày

1977-1987

1977
UBND tỉnh Đồng Nai có Quyết định số 25/ QĐ ngày 14/03/1977 về việc thành lập Công ty Khoan cấp nước trực thuộc Công ty Xây dựng Đồng Nai. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển đây được xem là cột mốc quan trọng ghi dấu sự tạo lập, hợp nhất và phát triển của Công ty sau ngày thống nhất. Với ý nghĩa đó, Công ty quyết định lấy ngày 14/03 hằng năm là ngày kỉ niệm thành lập Công ty. Công ty Khoan cấp nước Đồng Nai đã cải tạo nâng cấp thêm trạm bơm giếng ngầm, cấp nước cho hơn 1.500 hộ dân với công suất 2.740m3/ngày.

1987
Thành lập Xí nghiệp Khai thác nước Xuân Lộc tách khỏi Công ty Khoan cấp nước Đồng Nai. Xí nghiệp xây dựng thêm 2 trạm bơm nước, công suất 3.300m3/ ngày.

1990-1996

1990
Là giai đoạn khó khăn nhất đối với Công ty Khoan cấp nước Đồng Nai do ảnh hưởng của cơ chế bao cấp. Trong điều kiện xã hội đang chuyển biến, nhưng Công ty chuyển đổi không kịp. Nội bộ Công ty hoạt động mất ổn định, tình hình cấp nước không đảm bảo yêu cầu của xã hội. UBND tỉnh Đồng Nai quyết định giải thể Công ty Khoan cấp nước và thành lập mới Công ty Cấp nước Đồng Nai vào tháng 4/1990.

1993
Công ty Cấp nước Đồng Nai mở rộng nhà máy nước Biên Hòa từ 22.000m3/ngày lên 36.000m3/ngày để tăng nguồn nước cung cấp cho các khu dân cư của thành phố Biên Hòa.

1996
Công ty vinh dự được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III

2005-2015

2005
Tổng công suất khai thác đạt 135.348m3/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 57.736 hộ. Công ty đón nhận Huân chương lao động hạng II.

2014
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai. Tổng công suất khai thác năm 2014 đạt 293.615m3/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 150.356 hộ.

2015
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, tổng công suất khai thác đạt 304.950 m3/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 167.465 đấu nối.

2016-2020

2016
Ngày 09/03/2016, Cổ phiếu công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên Up-com với mã chứng khoán DNW và ngày 16/03/2016, DNW lần đầu giao dịch trên UpCOM với giá đóng cửa cuối phiên là 17.000 đồng/ cổ phiếu.

2019
Ngày 12/04/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai. Ngày 01/06/2019, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai thành lập hai phòng ban trực thuộc Công ty gồm: Phòng Kinh doanh và Phòng Kỹ thuật

2020
Tháng 8/2020 Công ty đã cho ra mắt sản phẩm nước uống tinh khiết đóng chai, đóng bình Doriv nhằm tiếp tục xây dựng và nâng cao hình ảnh thương hiệu của Công ty.

2020-2023

2021
Tháng 4/2021, Công ty hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 1.200 tỷ đồng.
- Ngày 11/5/2021 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 7.

2022
Ngày 26/9/2022 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 8

Năm 2023: Nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành, tinh giảm bộ máy. Công ty đã tiến hành công tác kiện toàn cơ cấu tổ chức 1 số đơn vị, phòng ban như sau:
Từ ngày 1/9/2023: sát nhập CNCN Tân Định vào CNCN Xuân Lộc.
Từ này 1/11/2023: Đổi tên Phòng Tổ chức Hành chánh thành Phòng Nhân sự, đổi tên Ban chuyên viên thành phòng Quản trị tổng hợp.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Huân chương lao động hạng II cho CB-CNV Công ty TNHH một thành viên xây dựng cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2001-2005 góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc.

Huân chương lao động hạng III cho CB-CNV Công ty Xây dựng cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1992-1996 góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ ng-hĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc

HANOI STOCK EXCHANGE
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Dowaco đạt top 10 doanh nghiệp Upcom có chất lượng công bố thông tin và minh bạch tốt nhất năm 2019 -2020

Năm	Số Quyết định	Hình thức	Giải thưởng	Cơ quan cấp
2015	QĐ số 1336/QĐ-UBND ngày 09/5/2016	Bằng Khen	Đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước từ 2014 -2015	UBND tỉnh Đồng Nai
	QĐ số 1336/QĐ-UBND ngày 09/5/2016	Cờ thi đua	Đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2015	UBND tỉnh Đồng Nai
2016	QĐ số 3238/QĐ-UBND ngày 06/10/2016	Bằng khen	Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD từ năm 2013 - 2015 góp phần vào sự ng-hiệp xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai	UBND tỉnh Đồng Nai
	QĐ số 3238/QĐ-UBND ngày 06/10/2016	Khánh vàng	Đạt danh hiệu "Doanh nghiệp xuất sắc" tỉnh Đồng Nai lần thứ VI – 2016	UBND tỉnh Đồng Nai
2017	QĐ số 2470/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Bằng khen	Đã có đóng góp trong phong trào ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, giai đoạn 2012 – 2017	UBND tỉnh Đồng Nai
2018	-	Bảng ghi nhận và cảm ơn	Đã có đóng góp trong công tác dân vận và phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc năm 2018	Công an TP. Biên Hòa
	QĐ số 2500/QĐ-UBND ngày 23/7/2018	Bằng khen	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Vì nạn nhân chất độc da cam giai đoạn 2013 - 2018	UBND tỉnh Đồng Nai
	-	Bảng vàng tri ân	Đã có thành tích ủng hộ Quỹ Tri ân Liệt sĩ trong 5 năm (2013 - 2018)	Hội hỗ trợ Gia đình Liệt sỹ Đồng Nai
	QĐ số 4225/QĐ-UBND ngày 27/11/2018	Bằng khen	Đã có thành tích tiêu biểu tham gia cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" và phong trào xây dựng "Nhà Đại đoàn kết" xóa nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000 – 2018"	UBND tỉnh Đồng Nai
	-	Bảng tri ân	Tri ân Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tham gia cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" và phong trào xây dựng "Nhà Đại đoàn kết" xóa nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000 – 2018	UBMTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai
2019	QĐ số 1177/QĐ-UBND ngày 22/4/2019	Bằng khen	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2018	UBND tỉnh Đồng Nai
	QĐ số 38/QĐTHXDVN ngày 27/6/2019	Bằng khen	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hội nhiệm kỳ IV (2014-2019)	BCH Trung ương Tổng hội Xây dựng Việt Nam
	QĐ số 126/QĐ-TĐKTTWH ngày 16/9/2019	Bảng Tri ân	Tri ân tấm lòng vì nạn nhân chất độc da cam: Chương trình "hỗ trợ sinh kế cho nạn nhân chất độc da cam Việt Nam" lần thứ 1	Hội nạn nhân chất độc da cam dioxin Việt Nam
2020	QĐ số 1242/QĐ-UBND ngày 20/4/2020.	Bằng khen	Công ty CP cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2019	UBND tỉnh Đồng Nai
2021	QĐ số 03/QĐ-BCĐ.VPTT ngày 16/4/2021	Giấy khen	Đạt thành tích xuất sắc trong cuộc vận động Hiến máu tình nguyện	Ban chỉ đạo Hiến máu tình nguyện tỉnh Đồng Nai
	QĐ số 5171/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	Bằng khen	Đã đạt thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	UBND tỉnh Đồng Nai
2023	QĐ số 1542/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	Cờ thi đua xuất sắc	Khen tặng Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc	UBND tỉnh Đồng Nai

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

• Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
• Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.
• Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
• Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.
• Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
• Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.
• Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:
- Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
- Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác.
- Thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp thoát nước.
- Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư. Giám sát thi công công trình dân dụng - công nghiệp. Lập hồ sơ mời thầu. Đánh giá hồ sơ dự thầu. Thẩm định thiết kế kỹ thuật. Quyết toán các dự án đầu tư.
- Tư vấn quản lý dự án đầu tư. Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán-tổng dự toán.
- Thẩm định kết quả đấu thầu.
• Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.
• Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15 mm đến 100 mm (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hiện nay, các nhà máy sản xuất nước mặt đang khai thác và cung cấp nước cho các khu vực như sau:
- Khu vực thành phố Biên Hòa (29 phường và 1 xã Long Hưng).
- Khu vực Long Thành: Thị trấn Long Thành (Văn Hải, Phước Hải, Phước Thuận, Phước Long, Cầu Xéo, Kim Sơn), xã Long Đức, An Phước, Lộc An, Long An, Tam An, Bình Sơn.
- Khu vực huyện Xuân Lộc: Thị trấn Gia Ray, xã Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hòa, Xuân Hiệp, Suối Cát, Xuân Trường, Xuân Thành.
- Khu vực huyện Định Quán: Thị trấn Định Quán, xã Phú Vinh, Phú Lợi, Gia Canh, Phú Ngọc, Ngọc Định.
- Khu vực Tân Phú: Thị trấn Tân Phú, 1 phần xã Trà Cổ.
- Khu vực huyện Vĩnh Cửu: Thị trấn Vĩnh An, xã Vĩnh Tân, xã Thạnh Phú, xã Thiện Tân, xã Tân An, Bình Hòa, Bình Lợi, Tân Bình.
- Khu vực huyện Trảng Bom: Thị trấn Trảng Bom, xã Hố Nai 3, Xã Bắc Sơn, Bình Minh, Quảng Tiến, Giang Điền, Bàu Hàm, Sông Trầu.
- Khu vực huyện Nhơn Trạch: Khu trung tâm huyện Nhơn Trạch, các KCN Nhơn Trạch, Thị trấn Hiệp Phước, các xã: Long Thọ, Phước An, Phước Thiền, Phú Hội, Vinh (qua đồng hồ tổng của Công ty mẹ và Công ty Cấp nước Hồ Cầu Mới), Vĩnh Thanh, Phú Đông, Phú Hữu, Đại Phước, Phú Thạnh, Long Tân.
- Khu vực TP.Long Khánh: TP. Long Khánh (gồm 11 phường: Bảo Vinh, Bàu Sen, Phú Bình, Suối Tre, Xuân An, Xuân Bình, Xuân Hòa, Xuân Lập, Xuân Tân, Xuân Thanh, 02 xã: Bảo Quang, Bàu Trâm); KCN Long Khánh, KCN Suối Tre.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định trong điều a khoản 1 điều 137 Luật doanh nghiệp 2020 gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản tri, Ban kiểm soát, Ban giám đốc.

Công ty gồm có 10 Phòng, ban, đội và 9 chi nhánh trực thuộc, 02 công ty con và 01 công ty liên kết.

Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cố đông có quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền.

Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý Công ty, do ĐHĐCĐ bầu ra. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát: là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc, có nhiệm vụ kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

Ban Giám đốc: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc hàng ngày và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyết định công tác quản lý, điều hành, nghị quyết, kế hoạch của HĐQT. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các công việc, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi sai phạm trước pháp luật nhưng Giám đốc vẫn chịu trách nhiệm chính.

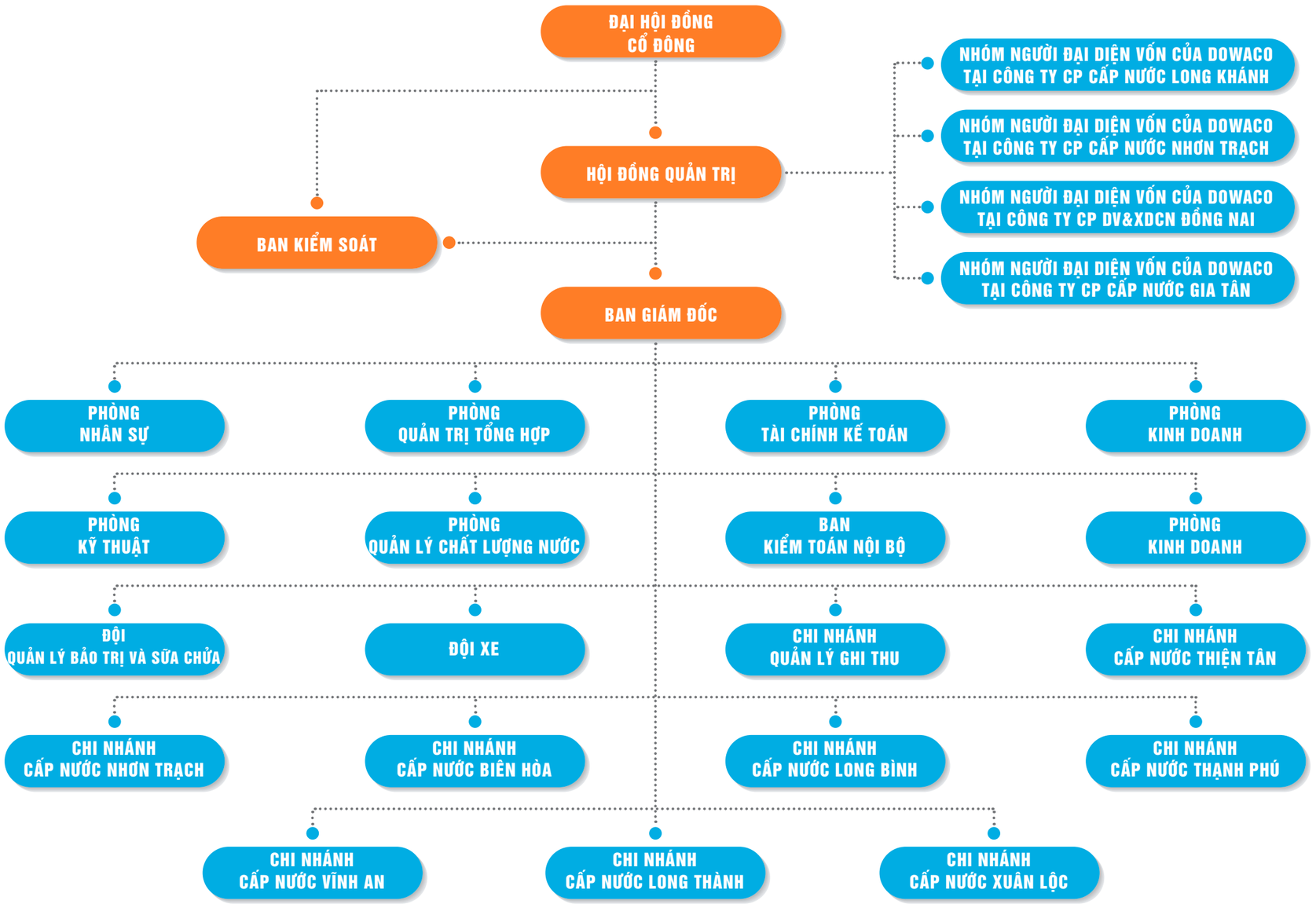

CÔNG TY MẸ

Tổng Công Ty Phát Triển Khu Công Nghiệp

Mã cổ phiếu	SZN
Địa chỉ	Số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Vốn điều lệ	3.765.000.000.000 đồng.
Điện thoại	(0251) 8860 561.
Fax	(0251) 8860 573.
Website	sonadezi.com.vn.
Sở hữu DNW	767.869.200.000 đồng – 63,99%.
Giấy chứng nhận ĐKDN	số 3600335363 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/7/2010 đăng ký thay đổi lần 5 ngày 06/5/2021

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Đầu tư phát triển đô thị công nghiệp, khu công nghiệp, khu dân cư.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc đi thuê.
- Mua, bán, cho thuê kho bãi và nhà xưởng.
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, kinh doanh vật tư, thiết bị ngành nước.
- Kinh doanh cầu cảng, bến bãi, kho tàng và các dịch vụ hỗ trợ cho vận tải.
- Xây dựng nhà các loại.
- Cho thuê nhà ở.
- Dịch vụ quản lý môi trường.
- Dịch vụ du lịch.
- Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác.

CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch

Mã cổ phiếu	NTW
Địa chỉ	Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
Ngành nghề kinh doanh chính	Khai thác, xử lý và cung cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch.
Vốn điều lệ	100.000.000.000 đồng.
Tỷ lệ sở hữu của Dowaco tại 31/12/2023	52,44%.

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh

Mã cổ phiếu	LKW
Địa chỉ	Số 02 bis Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.
Ngành nghề kinh doanh chính	Khai thác, lọc nước và phân phối nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tại các khu dân cư, cung cấp nguồn nước phục vụ cho hoạt động công nghiệp.
Vốn điều lệ	25.000.000.000 đồng.
Tỷ lệ sở hữu của Dowaco tại 31/12/2023	51,00%.

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai

Mã cổ phiếu	DVW
Địa chỉ	Số 52 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Ngành nghề kinh doanh chính	Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch; lắp đặt đường ống cấp nước, thoát nước, bơm nước.
Vốn điều lệ	23.450.000.000 đồng.
Tỷ lệ sở hữu của Dowaco tại 31/12/2023	36,00%.

CÔNG TY DO DOWACO ĐẦU TƯ GÓP VỐN

Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân

Mã cổ phiếu	Giwaco
Địa chỉ	Đường Gia Tân 1, ấp Dốc Mỏ 3, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
Ngành nghề kinh doanh chính	Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công-nghiệp; phân phối nước sạch.
Vốn điều lệ	477.500.000.000 đồng.
Tỷ lệ sở hữu của Dowaco tại 31/12/2023	10,47%

SỨ MỆNH DOWACO

MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, đảm bảo cung cấp nước an toàn, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

Tuân thủ nghiêm ngặt mọi quy phạm của Nhà nước về thi công mạng lưới cấp nước, bảo vệ hệ thống công trình ngầm nói riêng và cơ sở vật chất hạ tầng nói chung; chấp hành pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả tiết kiệm, hạn chế ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ an ninh nguồn nước.

Phát triển năng lực, nâng cao hiệu quả hoạt động và đạt được sự phát triển an toàn, bền vững cho toàn hệ thống. Tạo ra sự cộng hưởng, gắn kết về sứ mệnh và giá trị cốt lõi để mang lại những thành quả và giá trị đóng góp lớn hơn. Đó thực sự là một mục tiêu cần rất nhiều nỗ lực, nhất là trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế thế giới, đồng thời việc tiếp cận và đầu tư dự án mới gặp nhiều khó khăn, sự cạnh tranh ngày càng lớn.

- Phát huy giá trị doanh nghiệp, giá trị thương hiệu trên nền tảng tạo ra giá trị gia tăng cho xã hội, khách hàng, cổ đông và CBNV.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Kế hoạch sản xuất kinh doanh cơ bản nhiệm kỳ 2020 - 2025:

- Sản lượng nước sản xuất: tăng bình quân 4%/năm.
- Sản lượng tiêu thụ: tăng bình quân 5%/năm.
- Tổng doanh thu: tăng bình quân 5%/năm.
- Lợi nhuận trước thuế: tăng bình quân 8%/năm.
- Tỷ lệ chia cổ tức: từ 10% - 13%.
- Xây dựng cơ bản: bình quân 205 tỷ/năm.
- Tỷ lệ thất thoát: phấn đấu đến 2025 còn 16%.

Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư mở rộng mảng lưới cấp nước phát triển mạng lưới.

Tiếp tục chú trọng xây dựng đội ngũ để đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời kỳ mới, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào công tác quản trị, điều hành.

Tiếp tục nỗ lực tái cấu trúc toàn diện, thay đổi tư duy kinh doanh trong bối cảnh mới và triển khai đầu tư hiệu quả nhằm tạo nên sức mạnh mới, định vị lại mình ở một tầm vóc mới, diện mạo mới để nắm bắt, tận dụng được các cơ hội phát triển.

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Trong năm 2023, kinh tế Việt Nam đã thể hiện một bức tranh đa dạng với cả những điểm sáng và bóng tối, giữa bối cảnh toàn cầu chịu nhiều ảnh hưởng từ các vấn đề kinh tế và thương mại. Sự biến động của kinh tế thế giới, bao gồm khủng hoảng tiền tệ và căng thẳng từ cuộc xung đột Nga - Ukraine cũng như tại Trung Đông, cùng với những thách thức như nợ công, gián đoạn chuỗi cung ứng, và thiên tai, đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực cung cấp nước và xử lý chất thải. Mặc dù vậy, theo báo cáo từ Tổng cục Thống kê, ngành này đã ghi nhận mức tăng trưởng 5,18% trong năm, đóng góp phần nhỏ vào sự tăng trưởng 5,05% của GDP toàn ngành.

Đáng chú ý, Đồng Nai đã trở thành một trong những địa phương dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp với 5,27%, trong đó ngành cung cấp nước và xử lý chất thải đạt mức tăng 4,65%. Trong bối cảnh đối mặt với rủi ro kinh tế và lạm phát gia tăng, các công ty đã chủ động cải thiện và tăng cường quản lý tài chính, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn để đảm bảo ổn định và phát triển bền vững, đồng thời tiếp tục theo sát và phản ứng linh hoạt với các diễn biến kinh tế tổng thể.

Bước vào năm 2024, Việt Nam và thế giới đang đứng trước những cơ hội mới cùng những thách thức không kém phần phức tạp. Cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ và năng lượng sạch, đặt ra yêu cầu cao hơn cho việc đổi mới và nâng cấp công nghệ. Mặt khác, áp lực từ lạm phát và điều chỉnh chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn tiếp tục là thách thức đối với sự ổn định kinh tế vĩ mô.

Trong bối cảnh kinh tế đầy thách thức, với rủi ro còn nhiều và lạm phát không ngừng tăng, Công ty đã tích cực tối ưu hóa và tăng cường quản lý việc sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh, nhằm bảo đảm thực hiện thành công các mục tiêu tài chính đã đặt ra. Để đạt được điều này, Công ty không chỉ tập trung vào việc cải thiện quy trình quản lý mà còn thường xuyên cập nhật các diễn biến mới nhất của thị trường kinh tế, qua đó chủ động đưa ra các chiến lược phù hợp để đảm bảo sự ổn định và phát triển lâu dài của doanh nghiệp.

Rủi ro lãi suất

Lãi suất đóng vai trò trung tâm trong quản lý tài chính, đặc biệt là trong việc hình thành chiến lược đầu tư của các doanh nghiệp. Để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và mở rộng đầu tư, gần như mọi công ty đều tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ bên ngoài, thông qua việc vay mượn từ ngân hàng hoặc phát hành trái phiếu. Trong quá trình lên kế hoạch cho các dự án kinh doanh và đầu tư, việc tính toán trước lãi suất vay là bước không thể thiếu. Tuy nhiên, có nhiều yếu tố bên ngoài không thể dự báo trước ảnh hưởng đến mức lãi suất này. Một sự gia tăng trong lãi suất có thể nâng cao chi phí vay và gây bất lợi cho quá trình sản xuất và kinh doanh của công ty.

Rủi ro pháp luật

Trong những năm qua, DNW đã phụ thuộc chủ yếu vào việc sử dụng nguồn nước mặt từ sông Đồng Nai cho hoạt động kinh doanh của mình. Tuy nhiên, với sự thay đổi gần đây trong chính sách quản lý nguồn nước của địa phương, nhấn mạnh vào việc hạn chế khai thác nước ngầm và ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt một cách bền vững, DNW đã đối mặt với các thách thức mới. Để đáp ứng và thích ứng với những thay đổi trong chính sách và yêu cầu môi trường, DNW đã chủ động phát triển và thực hiện kế hoạch mở rộng và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn nước mặt, nhằm tăng cường tính bền vững và tuân thủ chính sách môi trường.

Quá trình chuyển dịch này yêu cầu DNW phải đầu tư vào nâng cấp cơ sở hạ tầng và công nghệ xử lý nước, đồng thời đảm bảo sự ổn định trong nguồn cung cấp nước cho hoạt động sản xuất. Sự hỗ trợ từ các chính sách khuyến khích và ưu đãi của chính phủ và cấp địa phương đã trở thành yếu tố then chốt, giúp DNW giảm thiểu chi phí chuyển đổi và tạo điều kiện thuận lợi cho việc duy trì hoạt động kinh doanh một cách mượt mà.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ pháp luật, DNW đã cam kết thực hiện nghiêm ngặt các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Lao động, Luật Chứng khoán, Luật Tài nguyên nước, và Luật Bảo vệ Môi trường. Công ty không ngừng theo dõi và cập nhật các biến đổi trong hệ thống pháp lý để giảm thiểu rủi ro và đảm bảo rằng hoạt động sản xuất kinh doanh không chỉ tuân thủ các quy định pháp luật mà còn góp phần vào việc bảo vệ nguồn tài nguyên nước quý giá và môi trường sống.

Rủi ro thất thoát nước

Trong ngành cấp nước, quản lý và giảm thiểu thất thoát nước không chỉ là một thách thức lớn mà còn là một yêu cầu cấp thiết để đảm bảo tính bền vững trong kinh doanh. Các yếu tố bên ngoài như hệ thống ống dẫn nước có nguy cơ cao bị rò rỉ hoặc hỏng hóc do điều kiện môi trường, lỗi kỹ thuật từ trang thiết bị đo lường, cùng với việc nâng cấp cơ sở hạ tầng đô thị có thể làm tăng nguy cơ hỏng ống dẫn và gây ra thất thoát nước nghiêm trọng. Điều này đặt ra nhu cầu cấp bách cho các công ty như DWN phải nỗ lực không ngừng nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước thông qua việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa mạng lưới cấp nước một cách hợp lý và hiệu quả.

Đối mặt với thách thức này, giảm thiểu thất thoát nước trở thành ưu tiên hàng đầu trong ngành cung cấp nước, giữ vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và quản lý nguồn tài nguyên nước vô giá. Thất thoát nước không chỉ gồm thất thoát hiển nhiên, như nước tràn trên bề mặt đất, mà còn bao gồm thất thoát ẩn, như nước chảy ngầm dưới đất hoặc qua các kênh mương, gây khó khăn đặc biệt trong việc kiểm soát. So với các quốc gia trong khu vực, tỷ lệ thất thoát nước ở Việt Nam là đáng báo động, tượng trưng cho lượng lớn nước sạch bị lãng phí.

Tình trạng này chủ yếu do hạ tầng đường ống nước ở nhiều khu đô thị cũ kỹ và xuống cấp, với việc sử dụng lâu dài dẫn tới hỏng và rò rỉ, cùng với việc gian lận trong sử dụng nước bởi một bộ phận người dân thiếu ý thức tuân thủ quy định. Đáp lại, Dowaco đã triển khai các biện pháp kiểm tra, sửa chữa, và thay thế các phần hư hỏng của mạng lưới, ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý mạng lưới đường ống và tài sản cố định, thực hiện phân vùng tách mạng. Ngoài ra, công ty cũng tăng cường giám sát quá trình thi công các tuyến ống mới và đảm bảo mọi lắp đặt tuân thủ nghiêm ngặt theo hồ sơ thiết kế, giúp giảm thiểu thất thoát nước và nâng cao hiệu quả trong quản lý nguồn nước sạch, đóng góp vào việc bảo vệ tài nguyên nước quý báu cho thế hệ tương lai.

Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

Cũng như các doanh nghiệp khai thác và cung cấp nước khác, Dowaco lấy nguồn đầu vào từ các sông, các hồ, mạch nước ngầm thuộc khu vực như sông Đồng Nai, hồ Trị An, Gia Ui ... Tuy nhiên, khu vực này cũng là nơi tập trung nhiều doanh nghiệp, khu công nghiệp và đất sản xuất nông nghiệp. Tình trạng ô nhiễm do không sử dụng hệ thống xử lý nước thải đúng chuẩn, xả rác ven sông, hồ, các sản phẩm hóa học phục vụ nông nghiệp làm suy giảm chất lượng nguồn nước đầu vào của công ty.

Bên cạnh các yếu tố thuộc về con người, thời tiết cũng đóng vai trò quan trọng trong trữ lượng cũng như chất lượng của nguồn nước đầu vào. Tình hình thời tiết năm 2022 khá khắc nghiệt, đầu năm nắng gắt, hạn hán, cuối năm mưa bão, và dự báo tình hình năm 2023 nghiêm trọng hơn do hậu quả của biến đổi khí hậu mà Việt Nam là một trong những nước chịu nhiều ảnh hưởng nhất.

Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

Do cung cấp nước sạch được quy định là dịch vụ công ích đồng thời lại được quy định là hoạt động sản xuất kinh doanh chịu sự kiểm soát của Nhà nước nên giá bán sản phẩm Công ty phải thực hiện theo Quyết định số 20/2014/QĐ – UBND ngày 23/05/2014 về việc ban hành giá cung cấp nước máy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và không thể chủ động trong việc điều chỉnh giá cung cấp nước tức thời. Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề này cần phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước. Hơn nữa, giá bán nước luôn được Nhà nước điều chỉnh để hài hoà lợi ích của doanh nghiệp và đối tượng sử dụng nước. Để đảm bảo lợi ích chung, Nhà nước ban hành ra các khung giá về nước áp dụng cho các khu vực và đối tượng khác nhau, chính vì thế giá bán nước tại một số thời điểm chưa được điều chỉnh kịp thời so với tình hình giá cả thị trường nên có khả năng ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro thị phần cấp nước

Hiện nay trên địa bàn tỉnh, một số đơn vị cung cấp nước sạch không tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về sản xuất, cung cấp nước sạch, chồng lấn vùng cấp nước. Công ty đã chủ động và nộp hồ sơ xin thỏa thuận vùng cấp nước đến Sở Xây dựng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh vẫn chưa ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đặc thù của ngành, Công ty còn phải đối mặt với những rủi ro bất khả kháng như dịch bệnh và thảm họa tự nhiên, bao gồm lũ lụt và hạn hán, có thể gây gián đoạn trực tiếp đến quá trình cung cấp nước. Để ứng phó, Công ty không chỉ thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng các thiết bị mà còn đầu tư vào bảo hiểm tài sản để hạn chế thiệt hại không lường trước, đồng thời đảm bảo rằng hoạt động kinh doanh có thể tiếp tục mà không bị gián đoạn. Công ty cũng chú trọng đến việc phát triển nhân sự, cung cấp cơ hội đào tạo, mua bảo hiểm cho người lao động, và tạo dựng một môi trường làm việc lành mạnh.

CHƯƠNG 2
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	16
Tổ chức nhân sự	18
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	22
Tình hình tài chính	24
Cơ cấu cổ đông	27
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	28

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Sản lượng nước sản xuất

Đơn vị: m3

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ% so kế hoạch
Sản lượng nước sản xuất	137.510.050	140.000.000	136.458.569	97,47
Sản lượng nước ghi thu	111.469.254	114.100.000	113.024.002	99,06
Tỷ lệ thất thoát	18.9	18.5	17.2	-1,3

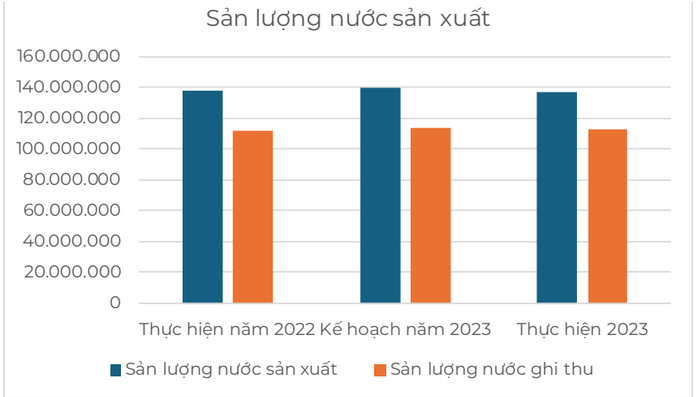

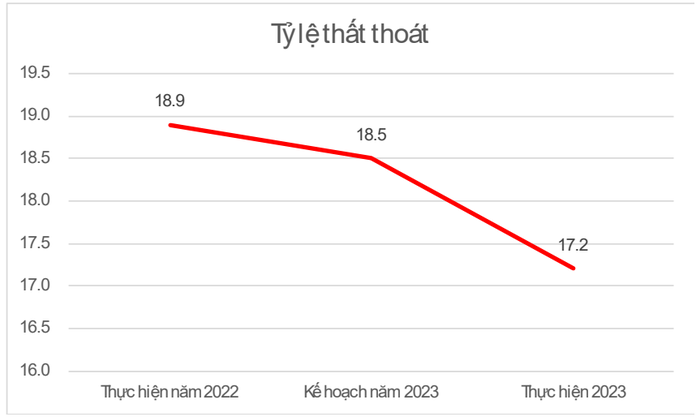

Kết quả hoạt động của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ% so kế hoạch
Tổng doanh thu *(Loại chênh lệch tỉ giá)*	1.109.103	1.110.000	1.106.452	100,6
Lợi nhuận trước thuế	387.400	275.000	333.566	121,3
Lợi nhuận sau thuế	367.844	260.000	316.595	121,8

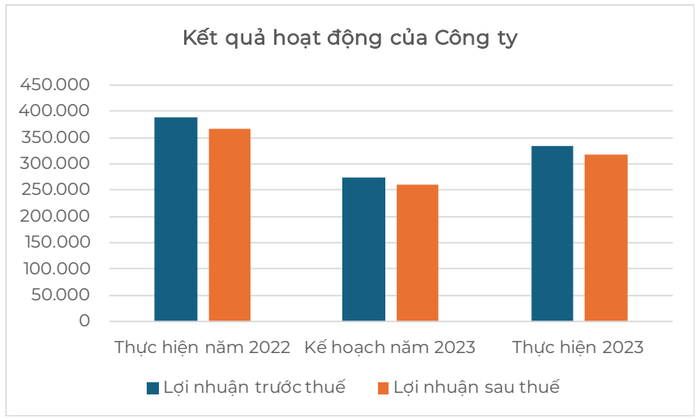

Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ% so kế hoạch
Doanh thu nước	1.038.000	1.025.098	98,8
Doanh thu xây lắp	28.000	31.627	112,9
Doanh thu HĐTC (Loại CLTG)	25.000	39.916	159,7
Doanh thu nước Doriv	4.000	3.222	80,5
Doanh thu khác	5.000	6.589	131,8

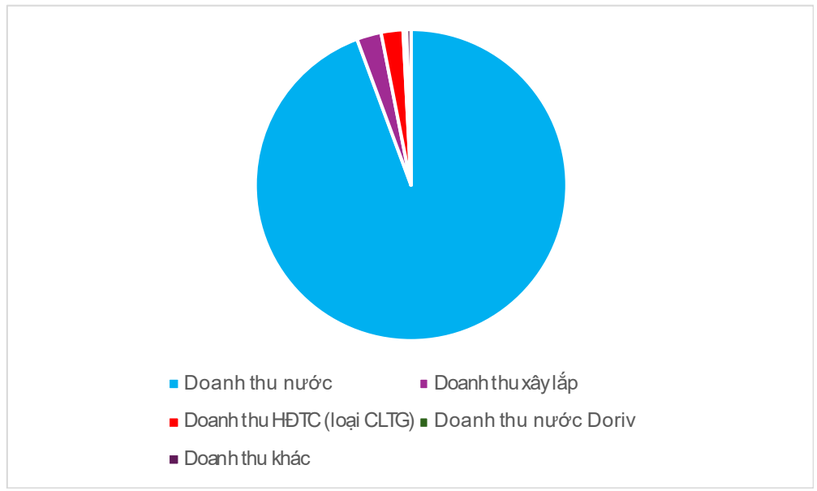

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Bà Phạm Thị Hồng	Giám đốc
2	Ông Đặng Văn Chất	Phó Giám đốc
3	Ông Nguyễn Cao Hà	Phó Giám đốc
4	Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc
6	Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng

Bà PHẠM THỊ HỒNG
Giám đốc

- Năm sinh: 1979.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023: 30.000.000 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 30.000.000 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ.

Ông ĐẶNG VĂN CHẤT
Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1977.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023: 12.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 12.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ

Ông NGUYỄN CAO HÀ
Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1971.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính; Thạc sỹ Kinh doanh và quản lý.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023: 12.000.020 cổ phần, chiếm 10,01% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 20 cổ phần, chiếm 0,00001% vốn điều lệ.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 12.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.

Ông NGUYỄN QUANG MINH
Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1980.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Bà NGUYỄN THU OANH
Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1969.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023: 36.964 cổ phần, chiếm 0,03 vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 36.964 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
I	Theo trình độ lao động	891	100%
1	Theo trình độ đại học, trên đại học	496	55,67%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	112	13,69%
3	Trình độ Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	196	30,64%
II	Theo loại hợp đồng lao động	891	100%
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	78	8,75%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	813	91,25%
III	Theo giới tính	891	100%
1	Nam	588	65,99%
2	Nữ	303	34,01%

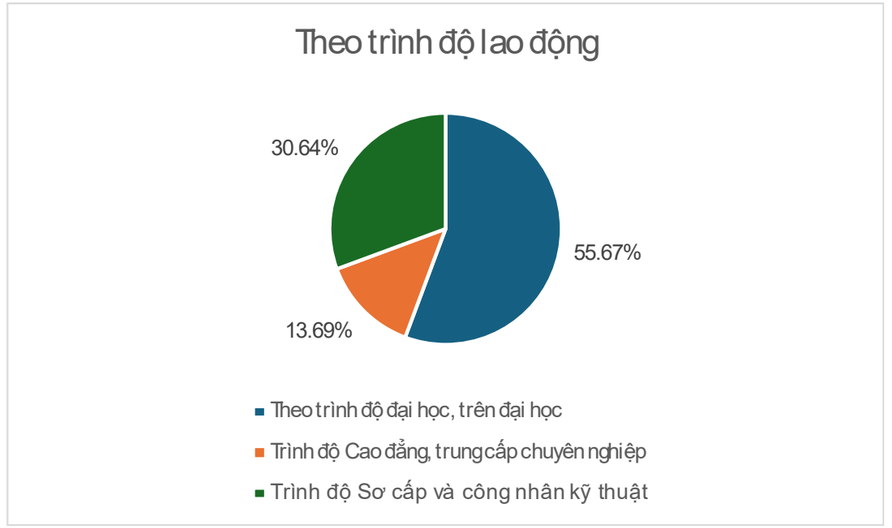

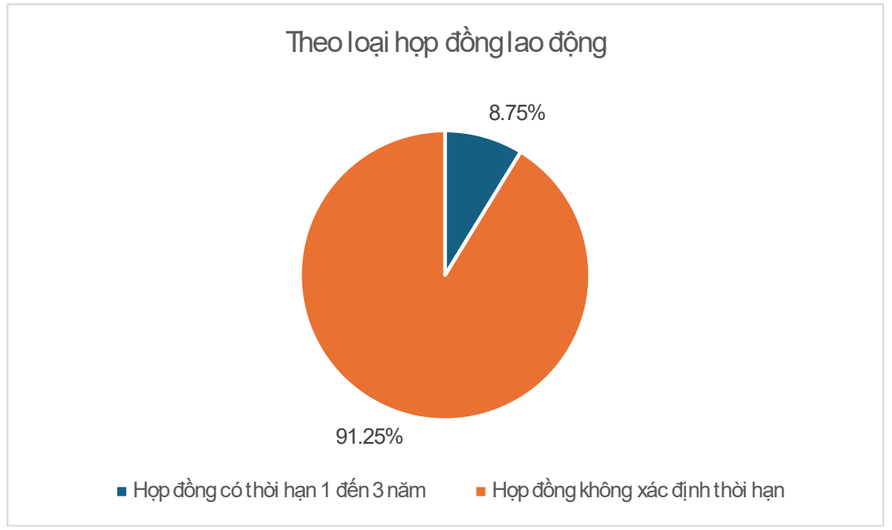

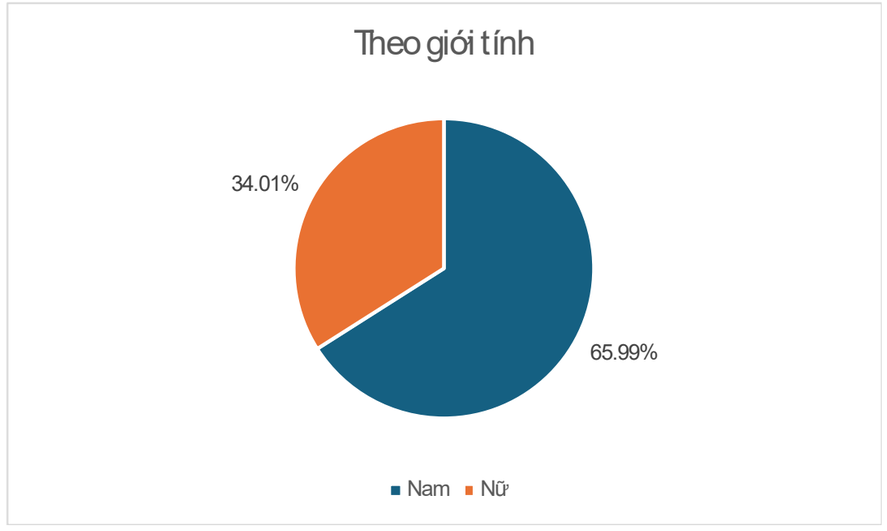

Chính sách nhân sự

Công ty thường xuyên nâng cao và phát triển kỹ năng của đội ngũ hiện có thông qua các chương trình đào tạo và bồi dưỡng chuyên sâu. Đào tạo, được xem là một phần cốt lõi trong chiến lược phát triển nhân sự, diễn ra định kỳ hàng năm và chủ yếu được tổ chức ngay tại doanh nghiệp. Các chương trình đào tạo được thiết kế nhằm mục đích cải thiện và mở rộng kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và nhận thức về quản lý kinh doanh, an toàn lao động, v.v., qua đó, tăng cường năng suất và nâng cao chất lượng của sản phẩm cuối cùng.

Đặc biệt, những nhân viên cần cập nhật kỹ năng để phù hợp với những tiến bộ công nghệ mới không ngừng được khích lệ tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu, thường được tổ chức tại các tổ chức hoặc đơn vị ngoài công ty, nhằm đảm bảo họ luôn bắt kịp với những phát triển mới nhất trong lĩnh vực của mình.

Công ty hằng năm đều xây dựng kế hoạch luân chuyển điều động cán bộ người lao động nhằm tạo môi trường cho đội ngũ cán bộ được rèn luyện, phát huy năng lực nâng cao hiệu quả trong công tác điều hành, nâng chất lượng nguồn nhân lực tại công ty.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Từ năm 2022, HĐQT Công ty đã ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng, thù lao và phúc lợi mới của Công ty

Chính sách lương

Điều 1: Thời điểm trả lương căn cứ ghi trên hợp đồng lao động và được thanh toán làm 2 lần vào ngày 20 của tháng hiện tại và ngày 5 của tháng liền kề.

Đơn giá trả lương được căn cứ vào mức lương được ghi trên hợp đồng lao động cá nhân. Người lao động khi lãnh lương phải biết được mọi khoản lương được lãnh của mình.

Điều 2: Căn cứ vào quy định của luật lao động 2019 và quy chế tiền lượng của công ty, tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều phải qua thời gian thử việc và được hưởng 85% lương căn bản theo chức danh công việc hoặc theo Bộ luật hiện hành. Sau thời gian thử việc nếu người lao động được chính thức ký hợp đồng tuyển dụng thì sẽ được hưởng 100% lương căn bản theo chức danh công việc.

Công ty thường xuyên đánh giá đối với người lao động trong thực hiện các nhiệm vụ được giao để kịp thời khen thưởng, động viên nhằm ghi nhận và khích lệ cho người lao động tiếp tục phấn đấu và nổ lực trong công việc

Về tuyển dụng

Mục tiêu chính của chiến lược tuyển dụng của Công ty là thu hút và lựa chọn những ứng viên xuất sắc, sở hữu năng lực và đam mê phù hợp, để đóng góp vào sự phát triển và mở rộng của hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty không chỉ tìm kiếm những cá nhân có khả năng đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại mà còn chú trọng đến việc phát triển sự nghiệp của nhân viên, với mong muốn họ sẽ trở thành những thành viên lâu dài và gắn bó với tổ chức. Các nhân sự được tuyển dụng thông qua việc phỏng vấn trực tiếp với phòng nhân sự và các phong ban có liên quan.

Đối với mỗi vị trí công việc cụ thể, Công ty đặt ra các tiêu chuẩn riêng biệt, nhưng đồng thời, mọi ứng viên đều cần phải thỏa mãn những yêu cầu cơ bản như: sở hữu kiến thức chuyên môn vững vàng, có tinh thần học hỏi cao, đam mê với công việc, chủ động và sáng tạo trong công việc. Đặc biệt, với các vị trí có tính chất quan trọng và đòi hỏi cao, tiêu chuẩn tuyển dụng trở nên khắt khe hơn, bao gồm yêu cầu về kinh nghiệm làm việc, khả năng phân tích vấn đề, cũng như trình độ ngoại ngữ và kỹ năng tin học, nhằm đảm bảo rằng Công ty luôn có đội ngũ nhân viên tài năng, sẵn sàng đáp ứng và vượt trội trong mọi tình huống.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Đến ngày 31/12/2023 chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trên báo cáo tài chính là 148.497.652.517 đồng, bao gồm các công trình như sau:

STT	Công trình	Giá trị
1	Dự án Nhơn Trạch GĐ1	21.018.104.772
2	Dự án Nhơn Trạch GĐ2	86.379.277.932
3	Dự án Thiện Tân GĐ2	20.490.518.415
4	Di dời trạm bơm nước thô nhà máy nước Biên Hòa	1.099.774.000
5	XD trạm xử lý bùn NMN Biên Hòa	1.592.145.063
6	Nhà điều hành và trạm bơm tăng áp Long Thành	462.280.500
7	Cải tạo, nâng công suất NMN Biên Hòa	7.393.731.115
8	Tuyến ống chuyển tải và phân phối dọc QL1A từ KCN Bàu Xéo đến ngã tư Dầu Giây	867.838.423
9	TOCN HDPE D280 đường ĐT769 X Bình Sơn	363.663.540
10	Lắp đặt song chắn rác tại đầu ống thu nước thô D1800 Thiện Tân-Nhơn Trạch	407.273.710
11	TOCN D300 dọc đường ven sông Đồng Nai từ cầu Hóa An đến cầu Rạch Gốc, P. Bửu Long	361.062.688
12	HTCN xã An Phước GĐ1	888.587.107
13	Lắp đặt TOCN khu vực dọc tuyến ĐT 767 xã Bắc Sơn, H. Trảng Bom	362.320.030
14	HTCN xã Trung Hòa, H. Trảng Bom	352.333.964
15	HTCN xã Thanh Bình, xã Cây Gáo Huyện Trảng Bom	839.141.814
16	HTCN Xã Đông Hòa, Trảng Bom	692.752.187
17	TOCN cho Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành	237.490.765
18	HTCN xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom	499.044.761
19	Các dự án khác	4.190.311.731
Tổng cộng		**148.497.652.517**

Tình hình thực hiện dự án vốn ODA và một số dự án đang triển khai

STT	Công trình	Giá trị
1	HTCN Nhơn Trạch GĐI, công suất 100.000m3/ngày	- UBND tỉnh Đồng Nai đã trình các văn bản đến Thủ tướng Chính phủ để báo cáo tình hình thực hiện và xin ý kiến chấp thuận điều chỉnh dự án, đồng thời tiếp tục giao UBND tỉnh Đồng Nai tổ chức thực hiện điều chỉnh theo quy định. - Ngày 21/02/2023, Văn phòng Chính phủ có phiếu chuyển số 301/PC-VPCP chuyển Công văn số 7280/UBND-KTN về việc xin điều chỉnh dự án tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, xử lý theo quy định. Đến nay chưa có ý kiến của các Bộ ngành liên quan cho việc điều chỉnh dự án. - Thực hiện kiến nghị của KTNN tại thông báo số 458/TB-KV XIII, Ngày 11/10/2023 Công ty đã gửi văn bản đề nghị Nhà thầu hoàn trả tiền do cắt giảm giá trị khối lượng Gói thầu CP3, CP1-B và hoàn trả tiền bồi thường do không thực hiện thu hồi đất.
2	HTCN Nhơn Trạch GĐII, công suất 100.000m3/ngày	- Ngày 14/4/2023, Công ty đã có Báo cáo số 313/CN-BQLDA gửi UBND tỉnh và JICA về tình hình thanh toán các chi phí còn lại của Hợp đồng Dịch vụ Tư vấn. - Ngày 30/5/2023, HĐQT Công ty ban hành Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT trong đó có nội dung thống nhất chủ trương giao Ban ĐH quyết định lựa chọn đơn vị Tư vấn trong nước để tiếp tục thực hiện các nội dung liên quan đến dự án. - Ngày 05/10/2023, Công ty trình UBND tỉnh Đồng Nai Văn bản số 916/CN-BQLDA xin chủ trương để thực hiện các bước tiếp theo cho dự án (thuê Tư vấn thực hiện các công việc liên quan để phục vụ công tác lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư điều chỉnh dự án theo quy định). - Ngày 27/11/2023, Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai có Văn bản số 3283/VP-KTN giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Công ty cùng các đơn vị liên tham mưu, đề xuất trình UBND tỉnh xử lý dự án theo quy định. - Hiện nay, Công ty và Liên danh Nippon Koei - Dohwa - Viwase - NKV đã thảo luận và thống nhất về giá trị thanh toán còn lại của Hợp đồng Dịch vụ Tư vấn (đang tiến hành các thủ tục thanh toán để thanh lý Hợp đồng Tư vấn).
3	Hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn II, công suất 100.000m³/ngày	- Thực hiện kiến nghị của Thanh tra Bộ Xây dựng và Kiểm toán Nhà nước đối với dự án, Công ty đã nhiều lần thông báo đến Nhà thầu Kumho, gần đây nhất đã gửi Văn bản số 97/CN-BQLDA ngày 21/2/2023, Văn bản số 941/CN-BQLDA ngày 11/10/2023 về các giá trị phải thu hồi/cắt giảm đối với gói thầu xây lắp và cung cấp thiết bị của dự án. Theo đó, Nhà thầu Kumho phải hoàn trả cho Chủ đầu tư số tiền 120.446 USD. Tuy nhiên, đến nay Nhà thầu Kumho vẫn không đồng ý với việc cắt giảm này. - Ngày 29/11/2023, Công ty gửi Văn bản số 1093/CN-BQLDA để báo cáo Kiểm toán Nhà nước, UBND tỉnh Đồng Nai, Sở Tài chính Đồng Nai về tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với việc giảm trừ khối lượng gói thầu Xây lắp và xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn Công ty để thực hiện quyết toán dự án hoàn thành.
4	Cải tạo, Nâng công suất Nhà máy nước Biên Hòa	- Bàn giao cụm lắng lọc accelerator hệ A để đưa vào vận hành; Đang vận hành chạy thử hệ B - Đã lập điều chỉnh Dự án và đang trình Sở Xây dựng thẩm định Báo cáo Nghiên cứu khả thi.
5	TOCN D300 dọc đường ven sông ĐN từ cầu Hóa An đến cầu Rạch Gốc, P.Bửu Long	Hoàn thành lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu xây lắp, giám sát; Khởi công ngày 22/9/2023, đến ngày 31/12/2023 thi công lắp đặt 1.040m/10.394m (đạt 10% KLHĐ)
6	Tuyến ống chuyển tải và phân phối dọc QL1A từ KCN Bàu Xéo đến Ngã tư Dầu Giây	Khởi công ngày 25/12/2023 với thời gian thi công 90 ngày, Nhà thầu đang triển khai thi công
7	Hệ thống cấp nước xã An Phước giai đoạn I	Khởi công Gói 6 XL ngày 29/12/2023 với thời gian thi công 90 ngày, Nhà thầu đang triển khai thi công.
8	Tuyến ống cấp nước cho dự án Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành	Phê duyệt Báo cáo NCKT ngày 06/3/2023. Phê duyệt Thiết kế BVTC - Dự toán XDCT ngày 17/8/2023 Duyệt danh sách Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật ngày 29/12/2023, đang đánh giá về tài chính.

STT	Công trình	Giá trị
9	Tuyến ống cấp nước cho dự án Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành	Phê duyệt Báo cáo NCKT ngày 19/10/2023. Phê duyệt Thiết kế BVTC - Dự toán XDCT ngày 22/02/2024 Đang lựa chọn nhà thầu công và xin cấp phép thi công xây dựng công trình
10	Hệ thống cấp nước xã Đông Hòa	Phê duyệt Báo cáo NCKT ngày 19/09/2023. Đang thực hiện thiết kế Bản vẽ thi công - Dự toán XDCT
11	Hệ thống cấp nước xã Tây Hòa	Phê duyệt Báo cáo NCKT ngày 12/12/2023 Đang thực hiện thiết kế Bản vẽ thi công - Dự toán XDCT

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tổng giá trị khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác đến ngày 31/12/2023 là 164.599 triệu đồng (giá trị đã trích lập dự phòng trong năm 2023 là 3,623 triệu đồng) doanh thu từ đầu tư tài chính năm 2023 là 9,988 tỷ đồng và 19.002 cổ phiếu được chia từ cổ tức Cty CP Sonadezi Châu Đức thể hiện qua bảng số liệu sau:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư đầu kỳ	Giá trị đầu tư cuối kỳ	Tỷ lệ góp vốn/ vốn điều lệ	Vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ cổ tức	Giá trị
I	Đầu tư vào công ty con	103.729	103.729				
1	Công ty CP CN Nhơn Trạch	90.979	90.979	52,44%	100.000	10%	5.244
2	Cty CP CN Long Khánh	12.750	12.750	51%	25.000	15%	1.912
II	Đầu tư vào công ty liên kết	7.800	7.800				
1	Cty CP DV & XD cấp nước	7.800	7.800	36%	23.450	30%	2.532
III	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	53.070	53.070				
1	Công ty CP cấp nước Gia Tân	50.000	50.000	10,47%	477.500		
2	Cty Sonadezi Châu Đức	1.040	1.040	0,10%	1.000.000	20% bằng CP tỷ lệ 5:1	19.002 cổ phiếu
3	Cty CP dịch vụ Sonadezi	2.030	2.030	2%	50.000	30%	300
	Tổng cộng	**164.599**	**164.599**				**9.988**

Nhìn chung hầu hết các công ty có vốn góp hoạt động có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Riêng Công ty CP cấp nước Gia Tân (Giwaco) tình hình kinh doanh của Công ty chưa đem lại sự hiệu quả kinh doanh dẫn đến thua lỗ và không bảo toàn vốn đã đầu tư, tính đến thời điểm 31/12/2023 Giwaco lỗ lũy kế là 157,336 tỷ đồng, trong đó lỗ của năm 2023 là 71,427 tỷ đồng. Với giá trị của khoản đầu tư vào Giwaco, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng trong năm 2023 là 3,623 tỷ đồng, lũy kế số trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Giwaco đến ngày 31/12/2023 là 16,474 tỷ đồng.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Giwaco thay đổi lần thứ bảy ngày 18/12/2023, vốn điều lệ thay đổi từ 335 tỷ đồng lên 477,5 tỷ đồng do trong năm 2023 Giwaco đã phát hành thêm 14,25 triệu cổ phiếu tăng vốn điều lệ (Biên bản họp & Nghị quyết HĐQT số 07/BB-HĐQT ngày 05/12/2023). Số tiền thực tế thu được từ phát hành thêm cổ phiếu là 142,5 tỷ đồng. Sau khi Giwaco tăng vốn điều lệ, tỷ lệ góp vốn của Công ty trên vốn điều lệ Giwaco là 10,47%, khoản đầu tư góp vốn vào Giwaco được chuyển từ mục "Đầu tư vào công ty liên kết" sang mục "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác".

Công ty CP Dịch vụ & XD Cấp nước Đồng Nai (DVW)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	%2023/2022
1	**Tổng tài sản**	67.524.096.210	64.954.897.973	96,20
2	**Doanh thu thuần**	50.471.547.817	44.303.444.241	87,78
3	**Giá vốn hàng hoá**	29.092.206.764	24.084.194.387	82,79
4	**Lợi nhuận gộp**	21.379.341.053	20.219.249.854	94,57
5	**Lợi nhuận khác**	34.048.494	321.317.524	943,71
6	**Lợi nhuận trước thuế**	11.401.122.995	10.682.335.526	93,70
7	**Lợi nhuận sau thuế**	9.944.885.460	9.348.283.221	94,00

Công ty CP Cấp nước Long Khánh (LKW)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	%2023/2022
1	**Tổng tài sản**	86.693.878.541	92.603.897.737	106,82
2	**Doanh thu thuần**	52.834.138.078	40.165.645.377	76,02
3	**Giá vốn hàng hoá**	21.187.448.506	17.060.588.449	80,52
4	**Lợi nhuận gộp**	31.646.689.572	23.105.056.928	73,01
5	**Lợi nhuận khác**	(896.026.62)	(371.112.620)	41,42
6	**Lợi nhuận trước thuế**	18.846.734.328	15.244.592.292	80,89
7	**Lợi nhuận sau thuế**	16.642.253.015	13.352.891.775	80,23

Công ty CP Cấp nước Gia Tân

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	%2023/2022
1	**Tổng tài sản**	780.907.480.180	852.648.482.843	109,19
2	**Doanh thu thuần**	15.621.248.442	34.030.581.286	217,85
3	**Giá vốn hàng hoá**	24.367.357.586	51.991.506.425	213,37
4	**Lợi nhuận gộp**	(8.746.109.144)	(17.960.925.139)	205,36
5	**Lợi nhuận khác**	141.140.164	(344.864.204)	244,34
6	**Lợi nhuận trước thuế**	(34.502.618.081)	(71.427.317.037)	207,02
7	**Lợi nhuận sau thuế**	(34.502.618.081)	(71.427.317.037)	207,02

Công ty CP Cấp nước Nhơn Trạch (NTW)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	%2023/2022
1	**Tổng tài sản**	185.981.945.102	185.631.912.095	99,81
2	**Doanh thu thuần**	153.525.115.373	147.531.945.233	96,10
3	**Giá vốn hàng hoá**	133.067.870.928	129.721.841.280	97,49
4	**Lợi nhuận gộp**	20.457.244.445	17.810.103.953	87,06
5	**Lợi nhuận khác**	206.820.476	(199.114.218)	96,27
6	**Lợi nhuận trước thuế**	10.486.386.889	10.601.605.672	101,10
7	**Lợi nhuận sau thuế**	9.085.515.858	9.012.210.397	99,19

Tình hình tài chính (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	%2023/2022
1	Tổng giá trị tài sản	3.535.571.333.593	3.529.822.378.765	99,84
2	Doanh thu thuần	1.216.614.972.251	1.196.174.227.615	98,32
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	398.380.659.870	348.661.717.076	87,52
4	Lợi nhuận khác	3.277.987.531	3.783.799.454	115,43
5	Lợi nhuận trước thuế	401.658.647.401	352.445.516.530	87,75
6	Lợi nhuận sau thuế	378.497.772.792	331.993.313.273	87,71

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023
Chỉ tiêu khả năng thanh toán		2.65	2.85
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.41	1.42
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.31	1.33
Chỉ tiêu cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	37.80	35.08
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	60.78	54.04
Chỉ tiêu năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	25.30	27.56
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0.34	0.34
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	%		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0.31	0.28
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân		0.17	0.14
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân		0.10	0.09
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần		0.33	0.29

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

120.000.000
cổ phiếu đang lưu hành

Loại cổ phiếu
cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần
10.000 đồng

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có.

Giao dịch cổ phiếu: không có.
Các chứng khoán khác: không có.

Cơ cấu cổ đông (chốt đến ngày 27/02/2024)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	641	119.679.363	1.196.793.630.000	99,74
1	Cổ đông Nhà nước	1	76.786.920	767.869.200.000	63,99
2	Cổ đông lớn	2	37.075.399	370.753.990.000	30,90
3	Tổ chức	2	552.120	5.521.200.000	0,46
4	Cá nhân	636	5.264.924	52.649.240.000	4,39
II	Cổ đông nước ngoài	14	320.637	3.206.370.000	0,26
1	Tổ chức	4	255.337	2.553.370.000	0,21
2	Cá nhân	10	65.300	653.000.000	0,05
	Tổng cộng	655	120.000.000	1.200.000.000.000	100

Danh sách cổ đông Nhà nước, Cổ đông lớn

Loại cổ đông	Số cổ phiếu	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	76.786.920	63,99%
Công ty CP - Tổng Công ty nước - Môi trường Bình Dương	Số 11, Ngô Văn Trị, P.Phú Lợi, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	22.600.000	18,80%
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Số 11B, Ngô Văn Trị, P.Phú Lợi, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	14.475.399	12,06%

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Luôn kết hợp thực hiện các nghiên cứu tác động môi trường trong giai đoạn lựa chọn, xây dựng và phát triển dự án.

- Tăng cường công tác kiểm tra chặt chẽ hệ thống tuyến ống và các trang thiết bị cấp nước để kịp thời khắc phục sữa
chữa, duy tu các sự cố hư hỏng xảy ra, nhằm hạn chế tình hình thất thoát nước.
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống máy móc để nâng cao tuổi thọ hoạt động của máy.
- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc lịch trực vận hành, trực xử nước đảm bảo chất lượng đúng quy trình kỹ thuật.
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp vào sản xuất để vận hành nhà máy tối ưu nhất.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của DN đối với cộng đồng địa phương

Cam kết đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng, tăng cường tìm hiểu nhu cầu sử dụng nước sạch tại địa phương nhằm đảm bảo người dân được tiếp cận với nguồn nước chất lượng cao.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng để cập nhật tiêu chuẩn và quy chuẩn an toàn của nguồn nước.
- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật cho người lao động trong công ty, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc, nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân.
- Tiếp tục phát huy các hoạt động chăm sóc cộng đồng trong các năm trước.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Dowaco tuân thủ đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT, Công ty sử dụng phương pháp khử trùng nước bằng Clo và các hợp chất khác, ngoài ra cần một lượng Clo dư tồn tại trong nước để bảo đảm chất lượng nước không bị nhiễm vi sinh trong quá trình vận chuyển trên mạng lưới cấp nước. Sản phẩm mà Công ty cung cấp chính là nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt và công nghiệp vì thế đòi hỏi Công ty cần phải tuân thủ nghiêm ngặt về các quy định, trình tự liều lượng sử dụng và bảo quản hóa chất tránh xảy ra tình trạng biến tính ảnh hưởng đến chất lượngnước gây tác động trực tiếp đến sức khỏe, đời sống của người dân. Công ty luôn quan tâm lựa chọn đối tác cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy nhằm giảm thiểu rủi ro mua phải hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại, Công ty không có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Dowaco rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Đánh giá liên quan đến người lao động

Chăm lo đời sống vật chất tinh thần, tổ chức cho CB-CNV đi du lịch hàng năm. Quan tâm chăm sóc các trường hợp bị tai nạn, bị bệnh hiểm nghèo và có cuộc sống khó khăn.

Công đoàn cơ sở đã tham gia cùng Ban điều hành thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động, như đóng BHXH, BHYT, BHTN, trả lương cho CNVC-LĐ đúng chế độ chính sách, phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm thu nhập ổn định.

Công ty luôn thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tuỳ theo từng vị trí cụ thể mà công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, xong với đó cần phải đáp ứng được những yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí điều hành quan trọng, công ty đưa ra các yêu cầu tuyển dụng khá gắt gao, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Công ty luôn xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng của từng ngành nghề hoạt động, trình độ, năng lực công việc của từng người và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước.

Tiêu thụ năng lượng

Công ty tiêu thụ chủ yếu là điện năng dùng trong việc vận hành các hệ thống xử lý nước, máy bơm, cung cấp điện chiếu sáng cho khu vực nhà máy, văn phòng,... Tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất nhằm giảm chi phí sản xuất, tối đa lợi nhuận là mục tiêu mà Công ty luôn hướng đến, do đó Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo kỹ năng sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

Tiêu thụ nước

Nước vừa là đầu vào trong quá trình sản xuất vừa là sản phẩm đầu ra của Công ty. Với châm ngôn "Tiết kiệm nước là tiết kiệm tiền", Công ty luôn duy trì công tác chống rò rỉ gây thất thoát nước dẫn đến lãng phí. Dowaco thường xuyên kiểm tra áp lực nước, dò tìm các đường ống dễ bể và cũ kỹ để có thể kịp thời khắc phục những sự cố xảy ra. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường nước, Công ty hiểu rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ nguồn nước, sử dụng tiết kiệm nhưng mang lại hiệu quả tối đa và luôn lấy điều này làm kim chỉ nam trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty còn luôn phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, khách hàng và người dân trong công tác tuyên truyền sử dụng tiết kiệm, phòng chống thất thoát nước.

CHƯƠNG 3
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh	30
Tình hình tài chính	31
Những cải tiến trong năm 2023	32
Kế hoạch trong tương lai	33
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	34

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ % so KH
1	Sản lượng - Lượng nước sản xuất - Sản lượng nước ghi thu	 m3 m3	 140.000.000 114.100.000	 136.458.569 113.024.002	 97,47 99,06
2	Tỷ lệ thất thoát trung bình	%	18,5	17,2	-1,3
3	Tổng doanh thu (Loại CLTG) Doanh thu nước Doanh thu xây lắp Doanh thu HĐTC (Loại CLTG) Doanh thu nước Doriv Doanh thu khác	Tr.Đồng Tr.Đồng Tr.Đồng Tr.Đồng Tr.Đồng Tr.Đồng	1.100.000 1.038.000 28.000 25.000 4.000 5.000	1.106.452 1.025.098 31.627 39.916 3.222 6.589	100,6 98,8 112,9 159,7 80,5 131,8
4	Lợi nhuận trước thuế - Lợi nhuận hoạt động SXKD - Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá	Tr.Đồng Tr.Đồng Tr.Đồng	275.000 275.000 -	333.566 305.472 28.094	121,3 111,1
5	Lợi nhuận sau thuế - Lợi nhuận hoạt động SXKD - Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá	Tr.Đồng Tr.Đồng Tr.Đồng	260.000 260.000 -	316.595 289.906 26.689	121,8 111,5
6	Các khoản phải nộp NS	Tr.Đồng	95.000	99.383	104,6
7	Các khoản đã nộp NS	Tr.Đồng		101.221	
8	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.Đồng	503.000	259.038	51,5

Năm 2023, trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp và bất ổn, tình hình kinh tế - xã hội nhiều địa phương trong nước vẫn còn rất khó khăn, tại Đồng Nai nhiều doanh nghiệp hoạt động cầm chừng và phải cắt giảm lao động dẫn đến suy giảm nhu cầu tiêu dùng đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với những điều chỉnh kịp thời, sự quyết tâm cao và tập trung nỗ lực thực hiện các giải pháp trong quản lý, điều hành, nhìn chung về kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 đã đạt và vượt kế hoạch đề ra: về doanh thu *(đạt 100,6% so kế hoạch)*, lợi nhuận trước thuế loại trừ chênh lệch tỷ giá *(vượt 11,1% so kế hoạch)*, lợi nhuận sau thuế loại chênh lệch tỉ giá *(vượt 11,5% so kế hoạch)*, nộp ngân sách Nhà nước *(đạt 104,6% so kế hoạch)*; công tác phòng chống thất thoát nước được tập trung triển khai và bước đầu đạt được kết quả nhất định *(tỷ lệ thất thoát giảm 1,3% so với kế hoạch và 1,7% so với cùng kỳ năm trước)*; đối với các chỉ tiêu về sản lượng nước sản xuất *(đạt khoảng 97,5%)*, ghi thu *(đạt khoảng 99,1%)* chưa đạt so với kế hoạch, về đầu tư xây dựng cơ bản Ban điều hành cũng đã nỗ lực chủ động trong việc triển khai, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch, tuy kết quả chưa đạt *(đạt 51,5% so với kế hoạch)* nhưng đã tăng hơn so với cùng kỳ *(khoảng 30,1%)*.

THUẬN LỢI

Sự quan tâm, chỉ đạo của UBND Tỉnh, các Sở ban ngành và chính quyền các địa phương và Tổng công ty Sonadezi đã tạo thuận lợi rất lớn, có tác động tích cực đến những kết quả trên mọi mặt hoạt động của Công ty.

Sự quyết tâm, nỗ lực của Ban lãnh đạo và sự đoàn kết, đồng thuận, tin tưởng của toàn thể CB.CNV và người lao động tại Công ty

KHÓ KHĂN

Đối với các dự án: các dự án ODA vẫn chưa xin được chủ trương điều chỉnh dự án và thanh quyết toán với nhà thầu chưa nên chưa thực hiện quyết toán dự án; Các dự án đầu tư xây dựng công trình (chủ yếu liên quan đến việc sử dụng đất) đang bị vướng và đang chờ các cơ quan ban ngành hướng dẫn, chỉ đạo hướng xử lý dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện; Thủ tục cấp phép thi công bị chậm trễ do liên quan đến nhiều đơn vị khác nhau.

Việc thỏa thuận dịch vụ cấp nước: Thực trạng hiện nay trên địa bàn tỉnh có một số đơn vị cấp nước không tuân thủ các quy định của Nhà nước về sản xuất cung cấp nước sạch, đầu tư hệ thống cấp nước chồng lấn vào vùng cấp nước hiện hữu của Công ty. Công ty đã hoàn thiện hồ sơ xin thỏa thuận vùng cấp nước gửi Sở Xây dựng, đến nay vẫn chưa được UBND tỉnh ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Về cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp: Các dự án Dowaco đang thực hiện phần lớn nhằm phục vụ cho các xã thuộc chương trình cấp nước sạch nông thôn. Dowaco đã gửi hồ sơ để được chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ và Quyết định 35/2021/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai, tuy nhiên đến nay đều chưa được giải quyết.

Giá bán nước sạch: Dowaco đang thực hiện giá bán nước sạch theo quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai; Dowaco đã gửi văn bản trình UBND tỉnh, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan thẩm định phương án giá nước sạch năm 2023 và 2024 theo Thông tư 44/TT-BTC của Bộ Tài chính, hiện nay đang chờ các Sở ngành xem xét trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt phương án điều chỉnh giá nước mới.

Tình hình tài sản (Hợp nhất)

Khoản mục	Năm 2022		Năm 2023	
	Chỉ tiêu	Tỷ trọng	Chỉ tiêu	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	641.171.344.903	18.,3%	688.322.118.698	19,50%
Tài sản dài hạn	2.894.399.988.690	81,87%	2.841.500.260.067	80,50%
Tổng tài sản	3.535.571.333.593	100%	3.529.822.378.765	100%

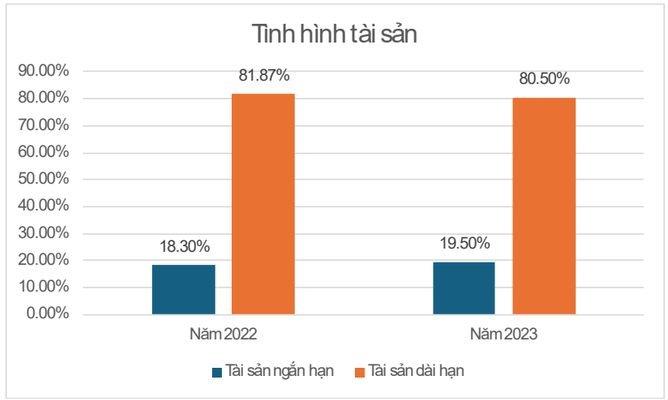

Tài sản cố định vô hình (Hợp nhất)

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	998.139.500.903	409.521.677.684	0,41
Máy móc, thiết bị	1.206.217.212.350	306.658.099.035	0,25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.123.339.500.512	1.630.016.693.248	0,52
Thiết bị, dụng cụ quản lý	51.973.345.192	420.233.689	0,01
TSCĐ hữu hình khác	7.900.515.048	537.833.124	0,07
Tổng cộng	5.387.570.074.005	2.347.154.536.780	0,44

Tài sản cố định vô hình (Hợp nhất)

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	350.929.202.176	283.248.840.140	0,81
Quyền phát hành	2.814.843.027	919.532,794	0,33
Phần mềm quản lý	2.939.705.088	235.196.204	0,08
Tổng cộng	356.683.750.291	284.403.569.138	0,80

Tình hình nợ phải trả (Hợp nhất)

Khoản mục	Năm 2022		Năm 2023	
	Chỉ tiêu	Tỷ trọng	Chỉ tiêu	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	456.254.208.597	34,14%	486.381.672.915	39,28%
Nợ dài hạn	880.270.441.625	65,86%	751.891.356.057	60,72%
Tổng nợ phải trả	1.336.524.650.222	100%	1.238.273.028.972	100%

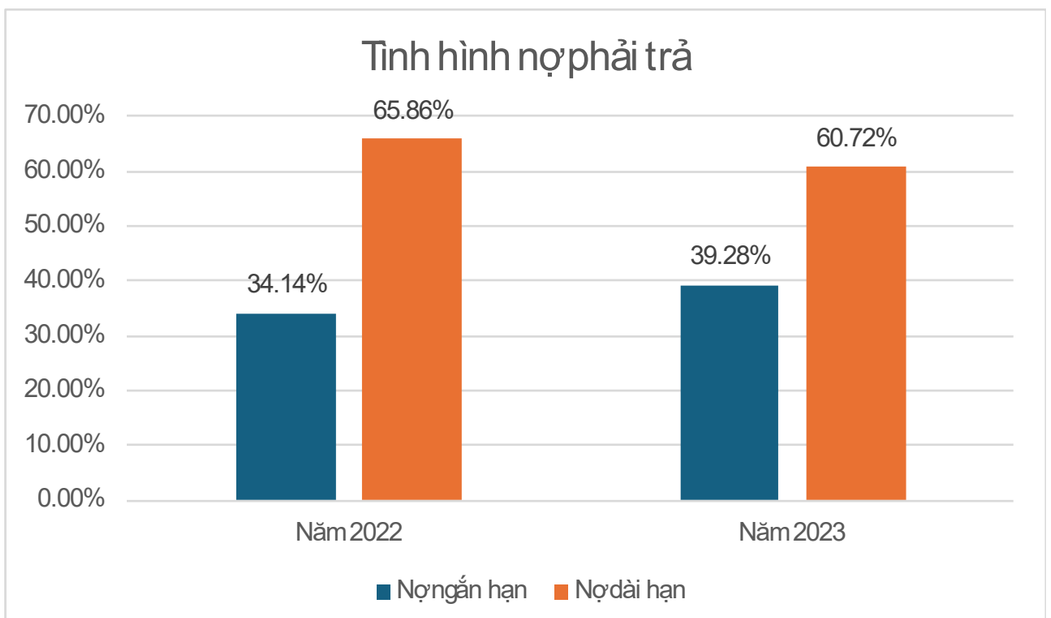

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty đã nghiên cứu, ứng dụng các cải tiến về công nghệ thông tin, công cụ quản trị mới vào hoạt động sản xuất công ty như lắp đặt các hệ thống giám sát, các cảm biến quan trắc, cải thiện hiệu suất làm việc của Công ty, hướng đến hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đặt ra.

Ban Giám đốc và các phòng ban đã xây dựng, cải tiến các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian của cả khách hàng lẫn nhân viên công ty cho công tác xử lý hồ sơ, từ đó cải thiện trải nghiệm khách hàng.

Công ty đã đưa ra thị trường sản phẩm nước uống tinh khiết đóng chai "DORIV", đa dạng • các sản phẩm, dịch vụ của Công ty trên thị trường. Đây là một nỗ lực mang đến cho khách hàng sản phẩm. chất lượng và tiện ích, đồng thời cổ vũ xu hướng tiêu dùng xanh và góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, nguồn nước. Qua đó, Công ty nhấn mạnh chiến lược gắn với slogan "Nước sạch cho cuộc sống xanh".

Công ty luôn kịp thời sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động, các quy chế nội bộ khác để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Đầu tư máy móc thiết bị, cải thiện cơ sở vật chất cho các đơn vị để nâng cao năng lực sản xuất.• Đồng thời kết hợp việc mời các chuyên gia, kỹ sư cao cấp hợp tác và tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ trong công ty.

Tăng cường sự hỗ trợ từ các đơn vị chức năng (phòng nhân sự, phòng tài chính kế toán...), rút ngắn thời gian thực hiện các công đoạn có liên quan.

Tăng cường tiếp nhận phản hồi của khách hàng về chất lượng hồ sơ; Tiếp tục thực hiện quy trình phân công trách nhiệm từ lãnh đạo công ty cho đến các bộ phần phòng ban.

Công ty cùng với các tổ chức, đoàn thể trong Công ty như Đảng uỷ, công đoàn, đoàn Thanh niên thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước, tiếp tục chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, tham gia tích cực công tác xã hội.

Tạo điều kiện để người lao động được tham gia học tập, nâng cao trình độ.

Xây dựng quy chế năng bậc lương theo hướng công bằng và có lợi cho người lao động.

Trong năm 2023 nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý điều hành Công ty đã thực hiện việc cơ cấu tổ chức như sau:

Giao hạch toán phụ thuộc cho Chi nhánh Cấp nước Long Thành và nhiệm vụ kế toán, thủ quỹ cho Người lao động tại Chi nhánh.

Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Cấp nước Tân Định đồng thời sáp nhập Chi nhánh Cấp nước Tân Định vào Chi nhánh Cấp nước Xuân Lộc từ 01/9/2023 (Thực hiện theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT tại kỳ họp thứ 25 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai ngày 25/8/2023).

Từ ngày 01/11/2023 Ban Giám đốc Quyết định điều chỉnh cơ cấu tổ chức các phòng, ban tại Công ty: giải thể Ban Bảo vệ Công ty; Đổi tên Ban Chuyên viên thành Phòng Quản trị tổng hợp; Đổi tên Phòng Tổ chức hành chính thành Phòng Nhân sự. Điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý và bố trí lại cơ cấu nhân sự.

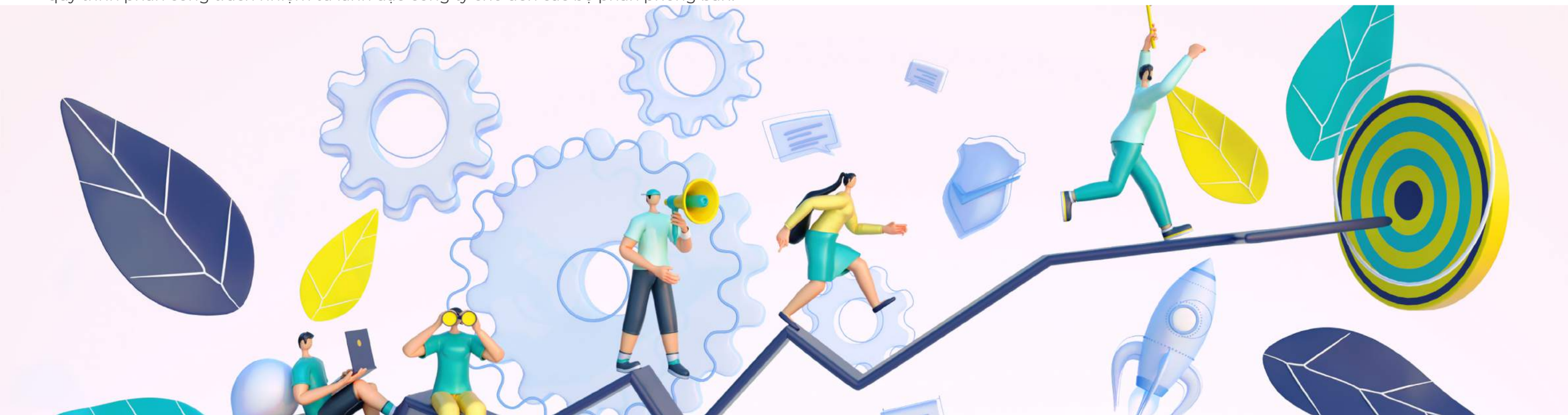

KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
1	Tổng doanh thu - Doanh thu kinh doanh nước - Doanh thu dịch vụ lắp đặt - Doanh thu hoạt động tài chính - Doanh thu nước uống Doriv + khác	Tr.Đồng Tr.Đồng Tr.Đồng Tr.Đồng Tr.Đồng	1.100.000 1.038.000 27.000 25.000 10.000
2	Lợi nhuận trước thuế - Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tr.Đồng Tr.Đồng	275.000 275.000
3	Lợi nhuận sau thuế - Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tr.Đồng Tr.Đồng	248.000 248.000
4	Các khoản nộp ngân sách nhà nước	Tr.Đồng	110.000
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.Đồng	610.000

Kế hoạch đầu tư

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý mạng lưới, vận hành, giám sát hoạt động sản xuất tại các nhà máy. Thực hiện từng bước tự động hóa trong sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động.

Tiếp tục tăng cường công tác phát triển khách hàng tại các khu vực Trảng Bom, Long Thành, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc và khu vực địa bàn 6 xã lên phường (Hiệp Hòa, Hóa An, Tân Hạnh, An Hòa, Phước Tân, Tam Phước).

Xây dựng bộ tiêu chuẩn hướng dẫn kỹ thuật thi công công trình cấp nước phù hợp với tình hình thực tế tổ chức thi công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để các đơn vị đều có thể dễ dàng áp dụng.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác chống thất thoát nước: Xác định rõ nguyên nhân thất thoát, có cách nhìn tổng quan để đưa ra giải pháp tổng thể để triển khai thực hiện. Tiếp tục thực hiện phân vùng để theo dõi giám sát, rà soát và cập nhật lại hệ thống theo từng phường, từng DMA thực hiện triệt để để có cơ sở quản lý và giảm tỷ lệ thất thoát nước trong các năm tới.

Tập trung rà soát, thực hiện các nội dung liên quan đến việc triển khai các dự án nâng công suất các Nhà máy hiện hữu nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển dài hạn của Công ty.

Đối với các dự án đầu từ

- Dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 1): Tiếp tục liên hệ UBND tỉnh Đồng Nai, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn để xử lý việc điều chỉnh dự án, quyết toán dự án theo quy định.

- Dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2): Thanh toán cho Tư vấn các khoản còn lại của Hợp đồng Dịch vụ Tư vấn; tiến đến thanh lý Hợp đồng Dịch vụ Tư vấn. Sau khi UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương thực hiện các bước tiếp theo cho dự án, Dowaco sẽ điều chỉnh Dự án đầu tư theo hướng sử dụng nguồn vốn phù hợp để từng bước tiếp tục thực hiện dự án nhằm đảm bảo khả năng cung cấp nước trên toàn tỉnh Đồng Nai.

- Dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân (giai đoạn 2): Tiếp tục thảo luận với Nhà thầu KUMHO về khoản còn lại của Hợp đồng Xây lắp; Yêu cầu Nhà thầu hoàn trả tiền cho Công ty theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước (số tiền hoàn trả khoảng 120.446USD). Sau khi có ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của Kiểm toán Nhà nước, UBND tỉnh, Sở Tài chính, Dowaco tiến hành thực hiện các bước tiếp theo để quyết toán dự án hoàn thành.

- Đối với các dự án vốn vay thương mại và vốn khác: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án nhằm đảm bảo phát huy tối đa công suất cấp nước của các nhà máy, góp phần tăng doanh thu, chiếm lĩnh được thị trường, giảm áp lực cạnh tranh từ các nhà đầu tư khác đồng thời đảm bảo đúng các quy định, thủ tục trong đầu tư xây dựng cơ bản.

- Các công trình cải tạo, mở mạng, sửa chữa nhỏ: tiếp tục Cải tạo ống STK và uPVC bằng ống HPDE; Lắp đặt đồng hồ phân vùng tách mạng và các dataloger theo dõi áp lực mạng lưới cấp nước để điều tiết áp lực nhằm giảm tỷ lệ thất thoát.

Về công tác cán bộ

Tiếp tục thực hiện các biện pháp quản trị nguồn nhân lực, thực hiện luân chuyển cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ năng động có khả năng đáp ứng mọi yêu cầu công việc. Đẩy mạnh công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ, năng lực của CBCNV, đặc biệt là đội ngũ cán bộ kế cận, quy hoạch.

Tăng cường công tác quản lý đối với người đại diện phần vốn tại các Công ty con, Công ty liên kết trong việc đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy chế quản lý, đánh giá người đại diện phần vốn, đồng thời đảm bảo việc triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh tại các Công ty con, Công ty liên kết theo đúng định hướng xây dựng và thực hiện các giải pháp để phấn đấu đạt các chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2024.

Tác động lên môi trường

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang diễn ra mạnh mẽ, nhân loại đang phải đối mặt với các nguy cơ đến từ việchiệu ứng khí nhà kính, băngtan, mực nước biển dân lên... Các bên liên quan đang yêu cầu các doanh nghiệp giải trình về trách nhiệm của mình trong những vấn đề này. Là một doanh nghiệp phục vụ công ích và cung cấp nguồn nước nên chúng tôi kiểm soát chặt chẽ việc phát thải để đảm bảo một quy trình sản xuất thân thiện với môi trường và cộng đồng. Để hạn chế thấp nhất những rủi ro có thể xảy ra, Công ty tạo điều kiện cho CBCNV học hỏi, trao dồi thêm kiến thức từ công tác nhân sự, tài chính, kỹ thuật, an toàn lao động... liên quan đến những hoạt động chính yếu cũng như phụ trợ của công ty để từ đó có những đề xuất xử lý can thiệp phù hợp và kịp thời nhất. Luôn tuân thủ các quy trình và thủ tục lấy nước thô của chính quyền và địa phương cho các nhà máy xử lý nước. Hoàn thiện hồ sơ cam kết môi trường khi bắt đầu dự án mới. Phối hợp vận hành với các nhà máy nước và đội quản lý mạng cấp nước nhằm kiểm soát và tiết kiệm được lượng điệnnăng, hóa chất tiêu thụ một cách hiệu quả. Xây dựng quy định, cũng như các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn điện theo chương trình tiết kiệm điện của các sở ban ngành.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất nước sạch bao gồm một số hóa chất xử lý nước theo quy định phù hợp với tiêu chuẩn nước ăn uống như vôi, phèn, clo, PAC...Những nguyên vật liệu này được Dowaco bảo quản trong điều kiện tốt nhất và thực hiện các công tác kiểm tra, thay thế, bổ sung định kỳ để đảm bảo tình trạng tốt nhất của nguyên vật liệu khi đưa vào sản xuất.

Hàng năm Công ty rà soát và lên kế hoạch thực hiện công tác sửa chữa ống cũ mục để đảm bảo cung cấp nước sạch cho khách hàng và tránh thất thoát nước. Thực hiện nghiêm chế độ bảo vệ hệ thống công trình ngầm đô thị trong thi công hệ thống cấp nước trên địa bàn phục vụ.

Tiêu thụ năng lượng, nước

Việc thiêu thụ năng lượng và tiêu thụ nước chủ yếu dùng để phục vụ cho hoạt động tại văn phòng làm việc. Công ty tiếp tục thực hiện việc sử dụng điện nước tiết kiệm để tiết kiệm chi phí cho Công ty. Công ty đã thực hiện triển khai lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mãi tại văn phòng làm việc, góp phần giảm được chi phí tiền điện tại văn phòng Công ty.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ hệ thống các công trình ngầm đô thị trong thi công hệ thống cấp nước trên địa bàn phục vụ; xem nước sạch là sản phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu

Chính sách liên quan đến người lao động

Với mục tiêu đóng góp cho cộng đồng thông qua sản phẩm và dịch vụ của Công ty, với từng dự án được triển khai, Công ty đều có sự chú trọng đến tác động xã hội trong công tác tuyển dụng, đào tạo, kiến tạo môi trường làm việc và cộng đồng trong khu vực của dự án. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí công việc luôn có sự ưu tiên cho lao động tại địa phương nơi dự án hình thành và phát triển. Công ty đặc biệt quan tâm đến các chính sách, chế độ tiền lương cho người lao động, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tương xứng với sự phát triển của công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng. Công ty cũng hay phát động chương trình Ủng hộ người nghèo, từ thiện, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt thiên tai... góp phần tích cực vào chương trình an sinh xã hội của chính phủ.

CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	36
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	37
Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị	38

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

* Về đánh giá kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2023, HĐQT đã lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và tập trung nỗ lực thực hiện các giải pháp trong quản lý, điều hành. Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 nhìn chung đạt và vượt kế hoạch đề ra: về doanh thu, lợi nhuận trước thuế loại trừ chênh lệch tỷ giá, nộp ngân sách Nhà nước; đối với các chỉ tiêu về sản lượng nước sản xuất, ghi thu chưa đạt so với kế hoạch, về đầu tư xây dựng cơ bản Ban điều hành cũng đã nỗ lực chủ động trong việc triển khai, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch, tuy kết quả chưa đạt nhưng đã tăng hơn so với cùng kỳ. Nổi bật là chỉ tiêu về công tác phòng chống thất thoát nước được tập trung triển khai và bước đầu đạt được kết quả nhất định, tỷ lệ thất thoát giảm nên mặc dù sản lượng chưa đạt theo kế hoạch nhưng chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận vẫn đạt theo kế hoạch.

* Về công tác cán bộ:

Hội đồng quản trị đảm bảo duy trì thực hiện tốt mối quan hệ giữa HĐQT, Đảng ủy bộ phận và Ban Giám đốc Công ty, đã kịp thời báo cáo Đảng ủy bộ phận về tình hình thực hiện các mặt công tác, công tác cán bộ, những chủ trương quan trọng của Công ty. Trong năm HĐQT đã lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các nội dung liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ theo đúng thẩm quyền như:

+ Công tác nhân sự để cử làm người đại diện phần vốn Công ty và nhân sự giới thiệu để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh trong Ban điều hành tại các Công ty con, Công ty liên kết chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (do hết nhiệm kỳ 2018-2023 của HĐQT tại các Công ty con, Công ty liên kết) và hoàn thiện các hồ sơ thủ tục theo quy định.

+ Công tác bầu bổ sung TV.HHĐQT và TV.BKS Công ty nhiệm kỳ 2020-2025, theo đó Ông Nguyễn Công Hiếu được bầu bổ sung vào HĐQT thay cho Ông Trần Trung Chiến và Ông Nguyễn Duy Khang được bầu bổ sung vào BKS thay cho Bà Tăng Tố Vân.

+ Xem xét phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý Công ty giai đoạn 2020-2025 và 2025-2030 (rà soát bổ sung năm 2023), thông qua chủ trương luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ quản lý của Công ty.

+ Công tác kiện toàn cơ cấu tổ chức (sáp nhập chi nhánh; đổi tên, thay đổi chức năng các phòng ban và luân chuyển bổ nhiệm đối với các cán bộ theo Kế hoạch): thực hiện việc sáp nhập CNCN Tân Định vào CNCN Xuân Lộc, đổi tên Phòng Tổ chức hành chánh thành Phòng Nhân sự, đổi tên Ban Chuyên viên thành Phòng Quản trị tổng hợp.

*Một số nội dung khác trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của HĐQT:

+ Hội đồng quản trị cũng đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty, Trưởng nhóm Người đại diện phần vốn Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết thực hiện rà soát xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 và đã thực hiện việc trao các quyết định về việc giao kế hoạch năm 2024 cho nhóm người đại diện vốn của Công ty.

+ Thực hiện các nội dung liên quan đến báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ theo quy định.

+ Lãnh đạo, chỉ đạo các nội dung liên quan đến việc rà soát hồ sơ đại hội và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tại Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết.

+ Thực hiện các thủ tục để chi trả cổ tức năm 2022 và tạm ứng cổ tức năm 2023 cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

+ Lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành trong việc xây dựng phương án giá nước sạch năm 2023 và 2024 của theo Thông tư 44/TT-BTC của Bộ Tài chính, hiện đang chờ các Sở, Ban ngành xem xét trình UBND Tỉnh phê duyệt phương án điều chỉnh giá nước mới.

+ Về công tác chào bán quyền mua cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (Giwaco): HĐQT đã lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành nội dung liên quan đến việc chào bán quyền mua cổ phần phát hành thêm của Giwaco do Công ty sở hữu, về công tác chào bán quyền mua (tại đợt tăng vốn điều lệ năm 2022 và 2023) Công ty đã có văn bản báo cáo Tổng Công ty Sonadezi về việc chào bán không thành công và kết thúc các đợt chào bán. Hiện tại, Công ty tiếp tục triển khai các nội dung liên quan đến công tác thoái vốn tại Giwaco.

Nhìn chung, HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2023, Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc nâng cao công tác quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty, có những điều chỉnh và triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị để đảm bảo hoạt động ổn định của Công ty, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

* Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản của Ban Giám đốc Công ty trong năm 2023:

+ Về sản lượng nước sản xuất: đạt 136,4 triệu m3 (đạt 97,5% so với kế hoạch và đạt 99,2% so với cùng kỳ); Sản lượng ghi thu đạt 113,02 triệu m3 (đạt 99,1% so với kế hoạch và đạt 101,4% so với cùng kỳ).

+ Về tỷ lệ thất thoát nước:

Ban Giám đốc Công ty đã tập trung tăng cường triển khai thực hiện các giải pháp cụ thể, đẩy mạnh thực hiện phân vùng tách mạng; giám sát chặt chẽ các sự cố, thất thoát trên các tuyến ống cấp nước của Công ty vận hành và khai thác, điều tiết áp lực cho mạng lưới cấp nước; thực hiện các công tác chuyển đổi hệ thống ống nhánh và đồng hồ nước cho các hộ dân để giảm thiểu thất thoát.

Trong năm 2023, tỷ lệ thất thoát giảm 1,3% so với kế hoạch và 1,7% so với cùng kỳ năm trước góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

+ Về Tổng doanh thu (loại trừ yếu tố chênh lệch tỷ giá): đạt 1.106 tỷ đồng (đạt 100,6% so với kế hoạch và đạt 99,7% so với cùng kỳ);

+ Về Lợi nhuận trước thuế (loại trừ yếu tố chênh lệch tỷ giá): đạt 305,5 tỷ đồng (tăng 11,1% so với kế hoạch và tăng gần 10% so với cùng kỳ);

+ Về Lợi nhuận sau thuế (loại trừ yếu tố chênh lệch tỷ giá): đạt khoảng 290 tỷ đồng (tăng 11,5% so với kế hoạch và tăng gần 10% so với cùng kỳ);

+ Về các khoản nộp ngân sách đã thực hiện tốt theo kế hoạch đạt 99,4 tỷ đồng (vượt kế hoạch 4,6%);

+ Việc chi trả cổ tức cho cổ đông, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đã thông qua.

+ Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản: về đầu tư xây dựng cơ bản Ban điều hành cũng đã nỗ lực chủ động trong việc triển khai, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch, tuy kết quả chưa đạt (đạt 51,5% so với kế hoạch) nhưng đã tăng hơn so với cùng kỳ (khoảng 30,1%).

Nhìn chung, Ban Giám đốc Công ty đã luôn nỗ lực, bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với sự nỗ lực và những kết quả đã đạt được trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục phát huy các mặt đã đạt được đồng thời xác định một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023 như sau:

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của Công ty theo đúng định hướng và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Luôn tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đề ra các giải pháp tích cực trong hoạch định chiến lược của Công ty.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành tiếp tục nâng cao năng lực quản lý, điều hành phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023; Tiếp tục tăng cường việc số hóa các hoạt động của Công ty; Nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong việc thực hiện quản lý mạng lưới cấp nước và giảm thiểu các thủ tục hành chính và thời gian cho khách hàng.

Tiếp lục lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành phối hợp với các đơn vị có liên quan để thực hiện các nội dung còn tồn đọng đối với các dự án vốn ODA. Tập trung triển khai thực hiện các dự án đầu tư đảm bảo theo kế hoạch, mở rộng mạng lưới cấp nước; rà soát đẩy nhanh việc triển khai các dự án mở rộng, nâng công suất tại các Nhà máy đã gần hết công suất; tăng cường thực hiện các giải pháp để giảm tỷ lệ thất thoát nước.

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nội dung liên quan đến việc thoái vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ, năng lực của cán bộ quản lý, điều hành, đặc biệt là đội ngũ cán bộ kế cận, quy hoạch.

Tăng cường công tác quản lý đối với người đại diện phần vốn tại các Công ty con, Công ty liên kết trong việc đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy chế quản lý, đánh giá người đại diện phần vốn, đồng thời đảm bảo việc triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh tại các Công ty con, Công ty liên kết theo đúng định hướng xây dựng và thực hiện các giải pháp để phấn đấu đạt các chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2023.

CHƯƠNG 5
QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	40
Ban kiểm soát	46
Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	48

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thành phần và cơ cấu HĐQT

STT	Thành viên	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Đặng Văn Chất	Đại diện: 12.000.000 Cá nhân: 0	Đại diện: 10% Cá nhân: 0%
2	Ông Nguyễn Văn Thiền	Đại diện:0 Cá nhân: 0	Đại diện: 0% Cá nhân: 0%
3	Bà Phạm Thị Hồng	Đại diện: 30.000.000 Cá nhân: 0	Đại diện: 25% Cá nhân: 0%
4	Ông Nguyễn Cao Hà	Đại diện: 12.000.000 Cá nhân: 0	Đại diện: 10% Cá nhân: 0%
5	Ông Phạm Anh Tuấn	Đại diện: 0 Cá nhân: 0	Đại diện: 0% Cá nhân: 0%
6	Ông Nguyễn Công Hiếu (Được bầu vào TV.HĐQT ngày 19/4/2023)	Đại diện: 0 Cá nhân: 2.500	Đại diện: 0% Cá nhân: 0,002%
7	Ông Trần Trung Chiến (Miễn nhiệm kể từ ngày 19/4/2023)	Đại diện: 0 Cá nhân: 0	Đại diện: 0% Cá nhân: 0%
8	Ông Võ Văn Bình	Đại diện: 0 Cá nhân: 0	Đại diện: 0% Cá nhân: 0%

Hội đồng quản trị Công ty hiện tại có 07 thành viên, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 vào ngày 19/4/2023 đã tiến hành bầu bổ sung Ông Nguyễn Công Hiếu vào HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 thay cho Ông Trần Trung Chiến (có đơn từ nhiệm TV.HĐQT).

Cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2023

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Ghi chú
1	Ông Đặng Văn Chất	07/07	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Thiền	07/07	100%	
3	Bà Phạm Thị Hồng	07/07	100%	
4	Ông Nguyễn Cao Hà	07/07	100%	
5	Ông Phạm Anh Tuấn	06/07	85,7%	Vắng do công tác đột xuất
6	Ông Nguyễn Công Hiếu	05/07	71,4%	Được bầu vào TV.HĐQT ngày 19/4/2023
7	Ông Trần Trung Chiến	0/07	0%	Có đơn xin từ nhiệm chức vụ TV. HĐQT và không tham gia các cuộc họp HĐQT kể từ ngày 20/5/2022
8	Ông Võ Văn Bình	07/07	100%	

Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm, trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp và thực hiện 20 phiếu lấy ý kiến các TV.HĐQT để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền theo quy định, qua đó đã ban hành 23 Nghị quyết và 59 Quyết định để lãnh đạo, chỉ đạo các nội dung công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Các thành viên thực hiện chức trách nhiệm vụ theo các nội dung tại bảng phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT.

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2023

Trong năm 2023, HĐQT đã lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và tập trung nỗ lực thực hiện các giải pháp trong quản lý, điều hành. Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 nhìn chung đạt và vượt kế hoạch đề ra: về doanh thu, lợi nhuận trước thuế loại trừ chênh lệch tỷ giá, nộp ngân sách Nhà nước; đối với các chỉ tiêu về sản lượng nước sản xuất, ghi thu chưa đạt so với kế hoạch, về đầu tư xây dựng cơ bản Ban điều hành cũng đã nỗ lực chủ động trong việc triển khai, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch, tuy kết quả chưa đạt nhưng đã tăng hơn so với cùng kỳ. Nổi bật là chỉ tiêu về công tác phòng chống thất thoát nước được tập trung triển khai và bước đầu đạt được kết quả nhất định, tỷ lệ thất thoát giảm nên mặc dù sản lượng chưa đạt theo kế hoạch nhưng chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận vẫn đạt theo kế hoạch.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và kịp thời chỉ đạo giải quyết các đề xuất của Ban điều hành liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, cơ cấu tổ chức...của Công ty.

Tại các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới báo cáo HĐQT Công ty đánh giá, xem xét có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Hội đồng quản trị đã lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành nỗ lực thực hiện các giải pháp đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, về cơ bản các chỉ tiêu kết quả đạt được đã bám sát kế hoạch đề ra; công tác phân vùng tách mạng, điều tiết áp lực phòng chống thất thoát nước được tích cực triển khai (tỷ lệ thất thoát giảm so với kế hoạch năm và cùng kỳ năm trước); Ban điều hành chú trọng nâng cao hiệu quả quản lý điều hành, xây dựng quy trình, tăng cường áp dụng công nghệ vào công tác quản lý, số hóa dữ liệu khách hàng nâng cao chất lượng phục vụ của Công ty.

Hội đồng quản trị giám sát việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Giám sát việc báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đảm bảo theo đúng quy định.

Các Nghị quyết/Quyết nghị của Hội đồng quản trị năm 2023

Các Nghị quyết

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ	Ghi chú
1	01/NQ-HĐQT	12/01/2023	Nghị quyết kỳ họp lần thứ 18 của HĐQT Công ty	100%	
2	02/NQ-HĐQT	14/2/2023	Về việc phê duyệt giá khởi điểm chào bán quyền mua cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân do Công ty sở hữu	100%	
3	03/NQ-HĐQT	20/2/2023	Về việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.	100%	
4	04/NQ-HĐQT	6/3/2023	Về việc phê duyệt danh sách Nhà đầu tư quan tâm nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân do Công ty sở hữu.	100%	
5	05/NQ-HĐQT	29/3/2023	Nghị quyết kỳ họp lần thứ 22 của HĐQT Công ty	100%	
6	06/NQ-HĐQT	27/4/2023	Về việc thông qua chủ trương thực hiện ký kết hợp đồng, giao dịch với tổ chức có liên quan.	100%	
7	07/NQ-HĐQT	30/5/2023	Kỳ họp lần thứ 23 của HĐQT Công ty CP Cấp nước Đồng Nai, nhiệm kỳ 2020-2025.	100%	
8	08/NQ-HĐQT	30/5/2023	Về việc phê duyệt giá khởi điểm chào bán quyền mua cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân do Công ty sở hữu (lần 2)	71,4%	(5/7 TV.HĐQT); 02 thành viên không có ý kiến)
9	09/NQ-HĐQT	30/5/2023	Về việc mua cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân do Công ty sở hữu.	100%	
10	10/NQ-HĐQT	30/5/2023	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.	100%	

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ	Ghi chú
11	11/NQ-HĐQT	23/6/2023	Về việc phê duyệt giá khởi điểm chào bán quyền mua cổ phần phát hành thêm của Công ty CPCN Gia Tân do Công ty sở hữu (lần 3).	85,7%	(6/7 TV.HĐQT); 01 thành viên không có ý kiến
12	12/NQ-HĐQT	14/7/2023	Phê duyệt giá khởi điểm chào bán quyền mua cổ phần phát hành thêm của Công ty CP Cấp nước Gia Tân do Công ty sở hữu (lần 4).	85,7%	(6/7 TV.HĐQT); 01 thành viên không có ý kiến
13	13/NQ-HĐQT	25/7/2023	Kỳ họp lần thứ 24 của Hội đồng quản trị Công ty, nhiệm kỳ 2020-2025	100%	
14	14/NQ-HĐQT	3/8/2023	Về việc chi trả cổ tức năm 2022.	100%	
15	15/NQ-HĐQT	18/8/2023	Chấp thuận chủ trương bổ sung nguồn vốn vào kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 của Công ty để thực hiện công trình cải tạo tuyến ống cấp nước uPVC D60 thành ống HPDE D160 trên đường Xuân Hưng - Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc	85,7%	(6/7 TV.HĐQT); 01 thành viên không có ý kiến
16	16/NQ-HĐQT	18/8/2023	Chấp nhận chủ trương bổ sung nguồn vốn vào kế hoạch năm 2023 của chi nhánh Cấp nước Vĩnh An để đầu tư lắp đặt Máy biến áp công suất 3P-320KVA	100%	
17	17/NQ-HĐQT	25/8/2023	Kỳ họp lần thứ 25 của Hội đồng quản trị Công ty, nhiệm kỳ 2020-2025	100%	
18	18/NQ-HĐQT	18/9/2023	Kỳ họp lần thứ 26 của Hội đồng quản trị Công ty, nhiệm kỳ 2020-2025	100%	
19	19/NQ-HĐQT	12/10/2023	Thông qua chủ chương về việc ký kết hợp đồng, giao dịch với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	71,4	(5/7 TV.HĐQT); 02 thành viên không có ý kiến
20	20/NQ-HĐQT	18/10/2023	Kỳ họp lần thứ 27 của Hội đồng quản trị Công ty, nhiệm kỳ 2020-2025	100%	
21	21/NQ-HĐQT	24/10/2023	Về việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2023	100%	
22	22/NQ-HĐQT	14/12/2023	Về việc bổ sung kế hoạch ĐTX-DCB năm 2023 để thực hiện dự án HTCN xã Cẩm Đường, H.Long Thành (giai đoạn 1)	71,4	(5/7 TV.HĐQT); 02 thành viên không có ý kiến
23	23/NQ-HĐQT	27/12/2023	Về việc tạm trích Quỹ thù lao năm 2023 của HĐQT, BKS không chuyên trách	100%	

Các Quyết định

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ	Ghi chú
1	01/QĐ-HĐQT	9/01/2023	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế và tư vấn thẩm tra thiết kế: bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình Dự án: Hệ thống cấp nước xã An Phước, giai đoạn I	66,7%	(4/6 TV.HĐQT); 02 thành viên không có ý kiến
2	02/QĐ-HĐQT	9/01/2023	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn điều chỉnh dự án và tư vấn thẩm tra điều chỉnh dự án Dự án: Xây dựng Trạm xử lý bùn Nhà máy nước Biên Hòa.	66,7%	(4/6 TV.HĐQT); 02 thành viên không có ý kiến
3	03/QĐ-HĐQT	10/01/2023	Về việc chi tiền thưởng Ban quản lý điều hành công ty.	-	
4	04/QĐ-HĐQT	11/01/2023	Về việc chi tiền thưởng theo kết quả công việc năm 2022 cho người quản lý	-	
5	05/QĐ-HĐQT	11/01/2023	Về việc chi tiền lương bổ sung cho Người quản lý chuyên trách	-	
6	06/QĐ-HĐQT	11/01/2023	Về việc chi tiền lương Người quản lý điều hành	-	
7	07/QĐ-HĐQT	12/01/2023	Về việc giao nhiệm vụ năm 2023 cho nhóm người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	-	
8	08/QĐ-HĐQT	12/01/2023	Về việc giao nhiệm vụ năm 2023 cho nhóm người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.	-	
9	09/QĐ-HĐQT	12/01/2023	Về việc giao nhiệm vụ năm 2023 cho nhóm người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.	-	
10	10/QĐ-HĐQT	18/01/2023	Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Hệ thống cấp nước Tam Phước, Tp. Biên Hòa (giai đoạn 1)	83,3%	(5/6 TV.HĐQT); 01 thành viên không có ý kiến
11	11/QĐ-HĐQT	06/02/2023	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chon nhà thầu tư vấn tiết kế và tư vấn thẩm tra thiết kế: bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình Dự án: Hệ thống cấp nước phường Tam Phước, TP. Biên Hòa (giai đoạn I)	66,7%	(4/6 TV.HĐQT); 02 thành viên không có ý kiến
12	12/QĐ-HĐQT	06/03/2023	Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Hệ thống cấp nước xã Thanh Bình, xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom	100%	
13	13/QĐ-HĐQT	14/03/2023	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây lắp thi công xây dựng công trình, tư vấn giám sát thi công công trình, tư vấn kiểm toán dự án Dự án: Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE OD355 trên đường Võ Nguyên Giáp và tuyến ống phân phối OD160 cho phường Phước Tân, xã Bình Minh.	66,7%	(4/6 TV.HĐQT); 02 thành viên không có ý kiến
14	14/QĐ-HĐQT	14/03/2023	Về việc chi thưởng kỷ niệm 46 năm ngày thành lập Công ty	-	
15	15/QĐ-HĐQT	21/3/2023	Về việc cử người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Công ty CPCN Long Khánh nhiệm kỳ 2023-2028.	100%	
16	16/QĐ-HĐQT	21/3/2023	Về việc cử người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Công ty CPCN Nhơn Trạch nhiệm kỳ 2023-2028.	100%	
17	17/QĐ-HĐQT	21/3/2023	Về việc cử người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Công ty cổ phần dịch vụ và XDCN Đồng Nai nhiệm kỳ 2023-2028.	100%	
18	18/QĐ-HĐQT	23/3/2023	Về việc chi tiền lương Người quản lý điều hành	-	
19	19/QĐ-HĐQT	27/3/2023	Chấp nhận cho cá bộ quản lý Công ty đi tham quan, du lịch Hàn Quốc (Phạm Thanh Chiến)	-	
20	20/QĐ-HĐQT	31/3/2023	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chon nhà thầu: xây lắp thi công xây dựng công trình, tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình và tư vấn kiểm toán dự án Dự án: Tuyến ống chuyển tải cấp nước cho 03 xã Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hòa - huyện Xuân Lộc.	83,3%	(5/6 TV.HĐQT); 01 thành viên không có ý kiến

21	21/QĐ-HĐQT	31/3/2023	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chon nhà thầu tư vấn thiết kế và tư vấn thẩm tra thiết kế: bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình Dự án: Hệ thống cấp nước xã Thanh Bình, xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom.	100%	
22	22/QĐ-HĐQT	05/4/2023	Thành lập ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên.	-	
23	23/QĐ-HĐQT	05/4/2023	Thành lập ban thẩm tra cho các đại biểu ĐHĐCĐ thường niên.	-	
24	24/QĐ-HĐQT	07/4/2023	Quyết định chấp thuận cho cán bộ quản lý Công ty đi tham quan, du lịch các nước Châu Âu (Pháp, Ý, Thụy Sĩ)	-	
35	25/QĐ-HĐQT	14/4/2023	Về việc ban hành Quy chế quy định về tiêu chuẩn chức danh công việc của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.	66,7%	(4/6 TV.HĐQT); 02 thành viên không có ý kiến
26	26/QĐ-HĐQT	18/4/2023	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: xây lắp thi công xây dựng công trình, tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình và tư vấn kiểm toán dự án Dự án: Hệ thống cấp nước phường Tam Phước, TP Biên Hòa (giai đoạn 1)	66,7%	(4/6 TV.HĐQT); 02 thành viên không có ý kiến
27	27/QĐ-HĐQT	25/4/2023	Chấp nhận cho nhân viên công tác tại Ban kiểm toán nội bộ đi tham quan, du lịch Bắc Kinh - Thụy Sĩ (Phan Thanh Thủy)	-	
28	28/QĐ-HĐQT	25/4/2023	Chấp nhận cho nhân viên công tác tại Phòng Tổ chức hành chánh đi tham quan, du lịch Thái Lan (Trần Thị Thùy Dung)	-	
29	29/QĐ-HĐQT	25/4/2023	Chấp nhận cho nhân viên công tác tại Phòng Tổ chức hành chánh đi tham quan, du lịch Thái Lan (Lê Thị Tuyết Hiền)	-	
30	30/QĐ-HĐQT	27/4/2023	Về việc ban hành Quy định về công tác quy hoạch cán bộ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	85,7%	(01/7 TV.HĐQT); 01 thành viên không có ý kiến
31	31/QĐ-HĐQT	24/5/2023	Chấp thuận cho Người lao động công tác tại CN Biên Hòa đi tham quan, du lịch Singapore và Malay-sia (Phùng Ngọc Châu)	-	
32	32/QĐ-HĐQT	29/5/2023	Về việc chi tiền thưởng Ban quản lý điều hành công ty	-	
33	33/QĐ-HĐQT	29/5/2023	Chấp nhận cho người lao động công tác tại Chi nhánh CN Thiện Tân đi tham quan, du lịch Malay-sia (Đặng Vĩnh Quáng)	-	
34	34/QĐ-HĐQT	30/5/2023	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: xây lắp thi công xây dựng công trình, tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình và tư vấn kiểm toán dự án Dự án: Tuyến ống chuyển tải và phân phối dọc Quốc Lộ 1A từ khu công nghiệp Bàu Xéo đến Ngã tư Dầu Giây	71,4%	(5/7 TV.HĐQT); 02 thành viên không có ý kiến
35	35/QĐ-HĐQT	30/5/2023	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Cấp nước Long Thành	100%	
36	36/QĐ-HĐQT	12/6/2023	Chấp thuận cho Người lao động công tác tại phòng TCHC đi tham quan, du lịch tại Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất (Trần Thị Thùy Dung)	-	
37	37/QĐ-HĐQT	22/6/2023	Về việc chi tiền lương bổ sung cho Người quản lý chuyên trách	-	
38	38/QĐ-HĐQT	2/8/2023	Chấp thuận cho Người lao động công tác tại phòng Tài chính kế toán đi Singapore (Nguyễn Thị Vân Anh)	-	
39	39/QĐ-HĐQT	8/8/2023	Chấp thuận cho Người lao động công tác tại phòng Tài chính kế toán đi Singapore (Huỳnh Thái Ngọc Hiền)	-	
40	40/QĐ-HĐQT	18/8/2023	Chấp thuận cho Phó giám đốc Chi nhánh Cấp nước Long Bình đi tham quan, du lịch Thái Lan	-	
41	41/QĐ-HĐQT	18/8/2023	Chấp thuận cho nhân viên công tác tại Chi nhánh Quản lý ghi thu đi tham quan, du lịch Thái Lan (Nguyễn Minh Nhã Tú)	-	
42	42/QĐ-HĐQT	25/8/2023	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Cấp nước Tân Định	100%	
43	43/QĐ-HĐQT	30/8/2023	Về việc chi tiền lương bổ sung cho Người quản lý chuyên trách	-	
44	44/QĐ-HĐQT	19/9/2023	Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Hệ thống cấp nước xã Đông Hòa, huyện Trảng Bom	100%	

45	45/QĐ-HĐQT	29/9/2023	Phê duyệt lựa chọn nhà thầu xây lắp thi công xây dựng công trình, tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình và tư vấn kiểm toán dự án Hệ thống cấp nước xã An Phước, huyện Long Thanh, giai đoạn 1	71,4%	(5/7 TV.HĐQT); 02 thành viên không có ý kiến
46	46/QĐ-HĐQT	12/10/2023	Chấp thuận cho NLĐ công tác tại CNCN Biên Hòa đi tham quan, du lịch tại Thụy Sĩ	-	
47	47/QĐ-HĐQT	19/10/2023	Đổi tên Phòng Tổ chức hành chánh thành Phòng Nhân sự	-	
48	48/QĐ-HĐQT	19/10/2023	Đổi tên Ban Chuyên viên thành Phòng Quản trị Tổng hợp	-	
49	49/QĐ-HĐQT	19/10/2023	Giải thể Ban Bảo vệ Công ty	-	
50	50/QĐ-HĐQT	19/10/2023	Phê duyệt KHLCNT dự án HTCN xã Thanh Bình, Cây Gáo, H. Trảng Bom	71,4%	(5/7 TV.HĐQT); 02 thành viên không có ý kiến
51	51/QĐ-HĐQT	19/10/2023	Phê duyệt KHLCNT dự án HTCN xã Đông Hòa, H.Trảng Bom	71,4%	(5/7 TV.HĐQT); 02 thành viên không có ý kiến
52	52/QĐ-HĐQT	19/10/2023	Phê duyệt BCNCKT dự án TOCN cho dự án Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành	100%	
53	53/QĐ-HĐQT	31/10/2023	Cử cán bộ quản lý và người lao động tham dự chương trình đào tạo tại Nhật Bản do cụ Cấp nước Osaka tổ chức	-	
54	54/QĐ-HĐQT	09/11/2023	Phê duyệt KHLCNT dự án TOCN cho dự án Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành	85,7%	(01/7 TV.HĐQT); 01 thành viên không có ý kiến
55	55/QĐ-HĐQT	09/11/2023	Chấp thuận cho người lao động tại Phòng Tài chính kế toán đi Sin-gapore	-	
56	56/QĐ-HĐQT	22/11/2023	Kiện toàn Hội đồng thẩm định sáng kiến của Công ty	-	
57	57/QĐ-HĐQT	22/11/2023	Kiện toàn hội đồng thi đua khen thưởng của Công ty	-	
58	58/QĐ-HĐQT	12/12/2023	Phê duyệt BCNCKT dự án HTCN xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom	85,7%	(01/7 TV.HĐQT); 01 thành viên không có ý kiến
59	59/QĐ-HĐQT	28/12/2023	Chi tiền lương Người quản lý, điều hành	-	

BAN KIỂM SOÁT

Thành phần Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Trình độ
1	Lê Thị Ngọc Sáu	Trưởng Ban	Cử nhân Tài chính - Kế toán Th.S Quản trị kinh doanh
2	Nguyễn An Quốc	Thành viên	Cử nhân Kế toán Th.S Quản trị kinh doanh
3	Tăng Tố Vân (Miễn nhiệm TV.BKS từ ngày 19/4/2023)	Thành viên	Cử nhân Kinh tế
4	Nguyễn Duy Khang (Bầu bổ sung TV.BKS từ ngày 19/4/2023)	Thành viên	Cử nhân kinh tế

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Ghi chú
1	Lê Thị Ngọc Sáu	03/03	100%	
2	Nguyễn An Quốc	03/03	100%	
3	Tăng Tố Vân	01/03	33,3%	(Miễn nhiệm TV.BKS từ ngày 19/4/2023)
4	Nguyễn Duy Khang	02/03	66,7%	(Bầu bổ sung TV.BKS từ ngày 19/4/2023)

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2023

- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng Ban kiểm soát hoạt động chuyên trách tại Công ty. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch hoạt động và tiến hành phân công công việc cho từng thành viên Ban kiểm soát.

- Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp để phân công nhiệm vụ và thảo luận về các nội dung sau mỗi đợt kiểm tra, kiểm soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình giám sát tài chính của Công ty.

- Ban kiểm soát không phân công cho thành viên Ban kiểm soát tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn quỹ, vật tư, hàng hoá, sản phẩm dở dang tại thời điểm kiểm tra; không thực hiện xác minh, đối chiếu chứng từ và hóa đơn đầu vào Công ty đã kê khai khấu trừ thuế và đã hạch toán kế toán trong kỳ; không tổ chức đối chiếu, xác nhận tất cả các khoản nợ phải thu, nợ phải trả của Công ty.

Đối với việc giám sát hoạt động của HĐQT

- Hội đồng quản trị gồm 07 thành viên, trong đó 03 thành viên kiêm nhiệm trong ban điều hành Công ty. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật, điều lệ, các quy chế của Công ty và sự phân công công việc cho từng thành viên HĐQT.

- HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT (hoặc người được ủy quyền dự họp) và có biên bản họp sau khi kết thúc. Các nội dung cuộc họp được xem xét, thảo luận thông qua để ban hành nghị quyết triển khai thực hiện, đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế theo đúng định hướng, chiến lược phát triển của Công ty và phù hợp các quy định của pháp luật.

- HĐQT đã thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Đối với việc giám sát hoạt động của Ban Giám Đốc và người điều hành khác

- Ban Giám đốc gồm 4 thành viên, mỗi thành viên đều phát huy vai trò trách nhiệm của mình trong công việc.

- Ban giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.
- Ban giám đốc đã thực hiện những chính sách, định hướng giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Định kỳ hàng tháng Ban Giám đốc đều tổ chức họp giao ban với thành phần gồm Ban Giám đốc, Trưởng/Phó phòng/ban Công ty, chi nhánh trực thuộc để nắm bắt tình hình hoạt động tại các đơn vị, rà soát kế hoạch và tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các đơn vị.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc, cán bộ quản lý và cổ đông

- HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty và các cổ đông. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Công ty.

- Ban Kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đối với các nội dung HĐQT lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền giữa các kỳ họp định kỳ, HĐQT đều có cung cấp tài liệu và thông tin đến Ban Kiểm soát.

- Ban Kiểm soát được mời tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ của Công ty để nắm bắt việc triển khai các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng giữa Ban Giám đốc Công ty và các đơn vị trực thuộc, kết quả thực hiện, qua đó giám sát được hoạt động quản lý điều hành của Ban Giám đốc trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và Nghị quyết của HĐQT.

- Trong quá trình Ban Kiểm soát làm việc, HĐQT, Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm soát trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty. Các đơn vị, bộ phận đã phối hợp cung cấp các tài liệu, hồ sơ giúp Ban kiểm soát hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.

- Đối với cổ đông: Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông.

Đánh giá về giao dịch giữa Công ty với tổ chức có liên quan của Công ty

- Khi phát sinh hợp đồng giao dịch, Công ty đều thực hiện trình HĐQT thông qua chủ trương và thực hiện công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty. Thực hiện thuyết minh tất cả các giao dịch phát sinh trên Báo cáo tài chính và thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính theo quy định.

- Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023 được công bố trên website Công ty, trên cổng thông tin điện tử của ủy ban chứng khoán nhà nước và trên cổng thông tin điện tử Sở giao dịch chứng khoán Hà nội vào ngày 30/01/2024 đã thể hiện đầy đủ các giao dịch giữa công ty với công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ trở lên; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BAN KIỂM SOÁT.

Lương thưởng thù lào các khoản lợi ích khác của các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng *(theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán)*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Tổng cộng (lương + thù lao)
1	Đặng Văn Chất	CT. HĐQT; Phó Giám đốc	1.297.227.000	96.000.000	95.000.000	1.393.227.000
2	Nguyễn Văn Thiền	PCT. HĐQT	-	96.000.000	75.000.000	96.000.000
3	Phạm Thị Hồng	TV.HĐQT; Giám đốc	1.599.313.400	96.000.000	95.000.000	1.695.313.400
4	Nguyễn Cao Hà	TV.HĐQT; Phó Giám đốc	1.292.934.000	96.000.000	75.000.000	1.388.934.000
5	Võ Văn Bình	TV.HĐQT	-	96.000.000	75.000.000	96.000.000
6	Phạm Anh Tuấn	TV.HĐQT	-	96.000.000	75.000.000	96.0000.000
7	Trần Trung Chiến	TV.HĐQT (đã miễn nhiệm từ 4/2023)	-	-	15.000.000	-
8	Nguyễn Công Hiếu	TV.HĐQT (mới bổ nhiệm 4/2023)	-	72.000.000	-	72.000.000
9	Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc	1.095.626.000	-	22.000.000	1.095.626.000
10	Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	1.069.749.000	-	55.000.000	1.069.749.000
Tổng cộng			**6.354.849.400**	**648.000.000**	**582.000.000**	**7.002.849.400**

Lương thưởng thù lào các khoản lợi ích khác của các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Lương	Thù lao	Thưởng	Tổng cộng
1	Lê Thị Ngọc Sáu	1.030.233.000		50.000.000	1.080.233.000
2	Nguyễn Công Hiếu	53.926.000		15.000.000	68.926.000
3	Nguyễn An Quốc		60.000.000	35.000.000	95.000.000
4	Tăng Tố Vân		15.000.000	20.000.000	35.000.000
5	Nguyễn Duy Khang		45.000.000		45.000.000
		1.084.159.000	120.000.000		1.324.159.000

Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối liên hệ liên quan với Công ty	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành (SZL)	Tổ chức có Ông Phạm Anh Tuấn - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT, Tổng Giám đốc tại SZL	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv)	67,4 tỷ đồng
2	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (SZB)	- Tổ chức có Ông Phạm Anh Tuấn - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại SZB; - Tổ chức có Ông Nguyễn Công Hiếu - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.BKS tại SZB	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv, Lắp đặt đồng hồ DN40, thi công đấu nối hạng mục công trình TOCN đường số 6 KCN Thạnh Phú)	52,2 tỷ đồng
3	Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền (SZG)	Tổ chức có Ông Đặng Văn Chất - TV.HĐQT Công ty đã là TV.HĐQT tại SZG (trong 03 năm gần nhất)	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv)	22,8 tỷ đồng
4	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (SZC)	Tổ chức có Ông Phạm Anh Tuấn -TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại SZC	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch)	12,5 triệu đồng
5	Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận (SZT)	Tổ chức có Ông Phạm Anh Tuấn - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại SZT	Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv)	13,5 triệu đồng

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Mối liên hệ liên quan với Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	tỷ lệ	
1	Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (Biwase)	Cổ đông lớn; Tổ chức có liên quan đến Ông Nguyễn Văn Thiền-TV.HĐQT Công ty	22.240.000	18,5%	22.600.000	18,83%	Mua (theo Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của Biwase ngày 22/4/2023)

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên	Thời điểm giao dịch	Số NQ của HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Sonadezi	Công ty mẹ	3600335363; 06/5/2021; Sở KH&ĐT Đồng Nai	Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2023	13/NQ-HĐQT năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 24,8 triệu đồng
2	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT	3600649539;02/7/2021; Sở KH&ĐT Đồng Nai	Đường số 5, KCN Long Thành, xã Tam An, Long Thành, Đồng Nai.	Năm 2023	13/NQ-HĐQT năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv) - Tổng giá trị giao dịch: 67,4 tỷ đồng
3	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT và BKS	360186769; 25/5/2021; Sở KH&ĐT Đồng Nai	Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, P. Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2023	Các NQ số 13/NQ-HĐQT năm 2022; 06/NQ-HĐQT và 19/NQ-HĐQT năm 2023	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv, lắp đặt đồng hồ DN40, thi công đấu nối cho hạng mục công trình TOCN đường số 6 KCN Thạnh Phú) - Tổng giá trị giao dịch: 52,2 tỷ đồng
4	Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT	3603474037;01/07/2017; Sở KH&ĐT Đồng Nai	Số 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2023	13/NQ-HĐQT năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 22,8 tỷ đồng
5	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT	3600899948;16/6/2021; Sở KH&ĐT Đồng Nai	Tầng 9, Cao ốc Sonadezi, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2023		- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch). - Tổng giá trị giao dịch: 12,5 triệu đồng
6	Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT	3 4 0 1 2 0 5 8 9 9 ; 21/09/2020; Sở KH&ĐT Bình Thuận	443, Kp1, TT. Tân Minh, H. Hàm Tân, Bình Thuận	Năm 2023	13/NQ-HĐQT năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 13,5 triệu đồng
7	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Công ty con	3600977120; 15/05/2018; Sở KH&ĐT Đồng Nai	KCN Nhơn Trạch, Hiệp Phước, Nhơn Trạch, Đồng Nai	Năm 2023		- Bán hàng hóa dịch vụ (bán nước sạch qua đồng hồ tổng và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 51,5 tỷ đồng - Cổ tức được chia năm 2022: - Tổng giá trị giao dịch: 5,2 tỷ đồng

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên	Thời điểm giao dịch	Số NQ của HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
8	Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Công ty co	3600979223; 18/02/2008; Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Số 02 Bis đường CMT 8, P. Xuân Bình, Long Khánh,Đồng Nai	Năm 2023	13/NQ-HĐQT năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 24,8 triệu đồng
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ & XDCN Đồng Nai	Công ty liên kết	3600978879; 28/09/2017; Sở KH&ĐT Đồng Nai	Số 52, CMT8, P.Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2023	13/NQ-HĐQT năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv) - Tổng giá trị giao dịch: 67,4 tỷ đồng
10	Công ty Cổ phần Sona-dezi An Bình	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	3600449307; 18/8/2018 Sở KH&ĐT Đồng Nai	Đường số 9 KDC An Bình, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2023		- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch). - Tổng giá trị giao dịch: 12,5 triệu đồng
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	3600510590; Sở KH&ĐT Đồng Nai	Huỳnh Văn Nghệ, Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2023	13/NQ-HĐQT năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 13,5 triệu đồng
12	Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	3600274914; 18/4/2017; Sở KH&ĐT Đồng Nai	12 Huỳnh Văn Nghệ, Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2023		- Bán hàng hóa dịch vụ (bán nước sạch qua đồng hồ tổng và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 51,5 tỷ đồng - Cổ tức được chia năm 2022: - Tổng giá trị giao dịch: 5,2 tỷ đồng
13	Trường Cao đẳng CN&QT Sonadezi	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	3600788797; 01/3/2006; Sở KH&ĐT Đồng Nai	Số 01, , KCN Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2023	13/NQ-HĐQT năm 202	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 55,1 triệu đồng - Mua hàng hóa, dịch vụ (Tổ chức các lớp đào tạo cho cán bộ, quản lý) - Tổng giá trị giao dịch: 111 triệu đồng
14	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị CN số 2	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	3600259560; 23/12/2020; Sở KH&ĐT Đồng Nai	H22, Võ Thị Sáu, Thống Nhất, Biên Hòa Đồng Nai	Năm 2023		- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng). - Tổng giá trị giao dịch: 636,1 triệu đồng

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên	Thời điểm giao dịch	Số NQ của HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
15	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	3600334112; 14/8/2019; Sở KH&ĐT Đồng Nai	1B-D3,Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2023	13/NQ-HĐQT năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 567 triệu đồng
16	Công ty Cổ phần Kinh do-anh Nhà Đồng Nai	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	3600322445; 01/11/2005; Sở KH&ĐT Đồng Nai	121 Phan Chu Trinh, Quang Vinh, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2023	13/NQ-HĐQT năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 329,5 triệu đồng
17	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Vật liệu Đồng Nai	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	3600259352; 17/5/2021; Sở KH&ĐT Đồng Nai	Số 138, Nguyễn Ái Quốc, KP1, Trảng Dài, Biên Hoà, Đồng Nai			- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch). - Tổng giá trị giao dịch: 91,5 triệu đồng
18	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	3600451024; 17/4/2020; Sở KH&ĐT Đồng Nai	Đường 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình; Biên Hòa, Đồng Nai		13/NQ-HĐQT năm 2022	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv, Cho thuê mặt bằng quảng cáo Đài nước KCN Biên Hòa 1). - Tổng giá trị giao dịch: 104,8 triệu đồng
19	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	3600890938; 26/6/2019 Sở KH&ĐT Đồng Nai	Tầng 8, Cao ốc Sonadezi, KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai		11/NQ-HĐQT	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch). - Tổng giá trị giao dịch: 24,8 triệu đồng. - Mua hàng hóa dịch vụ: vận chuyển chất thải nguy hại. - Tổng giá trị giao dịch: 26,3 triệu đồng

Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành: Không có

Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác: Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị thành viên độc lập: Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023

Ý kiến kiểm toán	54
Báo cáo tài chính	54

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4.	Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	6 - 9
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 40
8.	Phụ lục	41

****

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259296, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 4 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 26 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính:
- Địa chỉ : 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : +84 (0251) 384 3316
- Fax : +84 (0251) 384 7149

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Quản lý ghi thu	48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Biên Hòa	48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Long Bình	493/15, Tổ 8, Khu phố 9, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Thiện Tân	329 đường Hoàng Văn Bổn, Tổ 2, Khu phố 10, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Nhơn Trạch	327 đường Hoàng Văn Bổn, Tổ 2, Khu phố 10, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Vĩnh An	02, đường Võ Văn Tần, Tổ 2, Khu phố 1, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Xuân Lộc	Tổ 1, Khu 7, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Tân Định	775 Quốc lộ 20, Khu 7, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Thạnh Phú	119A, lộ 768, ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Long Thành	113 Lê Duẩn, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:
- Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai;
- Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15 mm đến 100 mm (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước;
- Kinh doanh khách sạn;
- Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước;
- Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Thiết kế công trình thoát nước; Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp thoát nước; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư; Giám sát thi công công trình dân dụng-công nghiệp; Lập hồ sơ mời thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Quyết toán các dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án đầu tư; Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán - tổng dự toán; Thẩm định kết quả đấu thầu;

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
- Điều hành tour du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình dân dụng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thiền	Phó Chủ tịch
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Võ Văn Bình	Thành viên
Ông Trần Trung Chiến	Thành viên (miễn nhiệm kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2023)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Ngọc Sáu	Trưởng ban
Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên
Bà Tăng Tố Vân	Thành viên (miễn nhiệm kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Duy Khang	Thành viên (bổ nhiệm kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2023)

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Bà Phạm Thị Hồng	Giám đốc
Ông Đặng Văn Chất	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Hà	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc

Đại diện theo pháp luật
Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Phạm Thị Hồng – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2019).

Kiểm toán viên
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc
Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2024

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn
bakertilly A&C
www.a-c.com.vn

Số: 1.0229/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Lê Thị Thu Hiền
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0095-2023-008-1
Người được ủy quyền

Lê Thị Thu Cúc
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5450-2021-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**688.322.118.698**	**641.171.344.903**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.1**	**52.208.598.923**	**56.318.218.540**
1.	Tiền	111		49.208.598.923	48.297.259.636
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	8.020.958.904
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**525.000.000.000**	**474.433.646.669**
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	525.000.000.000	474.433.646.669
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**62.200.168.736**	**61.687.046.723**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	47.203.117.010	45.950.152.333
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.956.957.947	4.439.535.234
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	12.511.479.071	14.773.867.719
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.471.385.292)	(3.476.508.563)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**41.762.695.289**	**45.030.807.050**
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	41.762.695.289	45.030.807.050
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**7.150.655.750**	**3.701.625.921**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	257.015.879	203.810.833
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.893.639.871	3.326.320.418
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	171.494.670
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B-	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**2.841.500.260.067**	**2.894.399.988.690**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**2.631.558.105.918**	**2.687.971.748.859**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.347.154.536.780	2.396.250.012.319
-	*Nguyên giá*	*222*		*5.387.570.074.005*	*5.149.107.569.310*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(3.040.415.537.225)*	*(2.752.857.556.991)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	*Nguyên giá*	*225*		-	-
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	284.403.569.138	291.721.736.540
-	*Nguyên giá*	*228*		*356.683.750.291*	*356.533.750.291*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(72.280.181.153)*	*(64.812.013.751)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**	**V.11**	-	**821.965.649**
-	Nguyên giá	231		-	1.269.760.507
-	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(447.794.858)
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**149.244.380.170**	**150.250.072.811**
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	149.244.380.170	150.250.072.811
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**55.022.318.034**	**49.830.821.340**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	18.427.584.414	46.761.098.850
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	53.069.722.490	3.069.722.490
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(16.474.988.870)	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**5.675.455.945**	**5.525.380.031**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.675.455.945	5.525.380.031
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**3.529.822.378.765**	**3.535.571.333.593**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**1.238.273.028.972**	**1.336.524.650.222**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**486.381.672.915**	**456.254.208.597**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	98.855.071.576	65.573.945.826
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14a	6.390.366.787	12.192.826.898
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	9.694.192.499	11.705.334.118
4.	Phải trả người lao động	314	V.16	65.281.907.561	43.841.188.167
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	12.879.922.215	14.057.995.097
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	13.737.217.301	11.955.335.381
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	222.076.755.395	249.751.593.647
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	57.466.239.581	47.175.989.463
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**751.891.356.057**	**880.270.441.625**
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.14b	6.667.913.192	6.669.755.089
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	1.326.050.500	1.922.250.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	743.897.392.365	871.678.436.536
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D -	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**2.291.549.349.793**	**2.199.046.683.371**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**2.291.549.349.793**	**2.199.046.683.371**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*1.200.000.000.000*	*1.200.000.000.000*
-	*Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	118.520.157.819	118.520.157.819
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.22	26.218.693.500	26.218.693.500
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.22	(64.235.766.100)	(64.235.766.100)
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	206.806.202.080	162.805.945.789
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	686.208.174.630	640.762.086.408
-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*414.306.483.751*	*640.762.086.408*
-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*271.901.690.879*	-
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	118.031.887.864	114.975.565.955
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**3.529.822.378.765**	**3.535.571.333.593**

Đồng Nai, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Trần Hoàng Anh Phương	Nguyễn Thu Oanh	Phạm Thị Hồng
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01	VI.1	1.196.174.527.588	1.216.614.972.251
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	02		299.973	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	10		1.196.174.227.615	1.216.614.972.251
4.	**Giá vốn hàng bán**	11	VI.2	748.329.768.132	776.510.993.175
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20		447.844.459.483	440.103.979.076
6.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	21	VI.3	65.539.989.086	137.019.344.341
7.	**Chi phí tài chính**	22	VI.4	33.785.272.922	38.252.495.354
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		28.354.184.906	37.485.609.881
8.	**Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết**	24	V.2b	2.721.878.896	(5.603.062.817)
9.	**Chi phí bán hàng**	25	VI.5	65.081.312.073	68.303.989.402
10.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	26	VI.6	68.578.025.394	66.583.115.974
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	30		348.661.717.076	398.380.659.870
12.	**Thu nhập khác**	31	VI.7	7.967.889.110	7.490.756.179
13.	**Chi phí khác**	32	VI.8	4.184.089.656	4.212.768.648
14.	**Lợi nhuận khác**	40		3.783.799.454	3.277.987.531
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	50		352.445.516.530	401.658.647.401
16.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	51	V.15	20.452.203.257	23.160.874.609
17.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	52		-	-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	60		331.993.313.273	378.497.772.792
19.	***Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ***	*61*		*321.163.953.549*	*366.021.760.068*
20.	***Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát***	*62*		*10.829.359.724*	*12.476.012.724*
21.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	70	VI.9	2.409	2.745
22.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	71	VI.9	2.409	2.745

Đồng Nai, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Trần Hoàng Anh Phương	Nguyễn Thu Oanh	Phạm Thị Hồng
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	*01*		*352.445.516.530*	*401.658.647.401*
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***		V.9;		
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10; V.11	296.556.676.956	321.031.435.017
-	Các khoản dự phòng	03	V.2c, V.20	2.618.323.867	(764.633.100)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(28.093.877.126)	(109.593.872.630)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b; VI.3	(39.355.976.073)	(20.231.835.215)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	28.354.184.906	37.485.609.881
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	*08*		*612.524.849.060*	*629.585.351.354*
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.288.818.611	18.147.352.921
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.268.111.761	6.112.025.860
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		51.722.754.031	(22.107.144.856)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(203.280.960)	2.607.191.494
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14	V.17; VI.4	(29.848.030.137)	(39.472.009.535)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(22.538.302.135)	(24.321.557.110)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.21	11.920.000	21.605.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21; V.22a	(27.244.220.369)	(18.553.256.182)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		*600.982.619.862*	*552.019.558.946*
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4; V.9; V.10 V.12; V.13	(256.529.294.852)	(143.869.558.288)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		(111.481.482)	2.727.273
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(554.000.000.000)	(608.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	503.612.026.133	450.500.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	-	(6.250.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2a; V.5; VI.3	41.120.570.750	22.221.508.282
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		*(265.908.179.451)*	*(285.395.322.733)*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	164.781.204.926	324.275.680.369
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(293.620.953.409)	(601.297.529.978)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18a; V.22	(210.344.311.545)	(187.476.073.425)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(339.184.060.028)***	***(464.497.923.034)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(4.109.619.617)**	**(197.873.686.821)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**56.318.218.540**	**254.191.905.361**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**52.208.598.923**	**56.318.218.540**

Đồng Nai, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Hoàng Anh Phương	Nguyễn Thu Oanh	Phạm Thị Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn
Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn
Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; Phân phối nước sạch	52,44%	52,44%	52,44%	52,44%
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	02 bis Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; Phân phối nước sạch	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	52 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Khai thác nước phục vụ công nghiệp; Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (*)	Đường Gia Tân 1, ấp Dốc Mơ 3, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch	-	14,93%	-	14,93%

(*) Tập đoàn chỉ được quyền bổ nhiệm 01 trong số 05 thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân, do vậy khoản đầu tư vào công ty này tại ngày kết thúc năm tài chính sẽ ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên
Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.033 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.031 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 – 40

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 20 – 49 năm.

Chi phí quy hoạch bản đồ

Chi phí quy hoạch bản đồ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 25 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 – 10 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà xưởng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của nhà xưởng là 25 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ. Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó ở Tập đoàn. Chênh lệch đánh giá lại tài sản này không phản ánh số chênh lệch đánh giá lại khi đưa tài sản đi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác hoặc thay đổi hình thức sở hữu.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp nước sạch

Doanh thu cung cấp nước sạch được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	260.879.123	363.952.338
Tiền gửi ngân hàng	48.947.719.800	47.933.307.298
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	3.000.000.000	8.020.958.904
Cộng	**52.208.598.923**	**56.318.218.540**

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

Khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc trong năm là 178.379.464 VND.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	7.800.368.003	10.627.216.411	18.427.584.414	7.800.368.003	10.437.937.515	18.238.305.518
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân [(i)]	-	-	-	50.000.000.000	(21.477.206.668)	28.522.793.332
Cộng	**7.800.368.003**	**10.627.216.411**	**18.427.584.414**	**57.800.368.003**	**(11.039.269.153)**	**46.761.098.850**

(i) Trong năm, Tập đoàn chỉ được quyền bổ nhiệm 01 trong số 05 thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân, do vậy khoản đầu tư vào công ty này tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển trình bày ở khoản mục "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Kết chuyển phần vốn góp sang đầu tư góp vốn đơn vị khác	Kết chuyển phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức được chia trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	18.238.305.518	-	-	2.721.878.896	(2.532.600.000)	18.427.584.414
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	28.522.793.332	(50.000.000.000)	21.477.206.668	-	-	-
Cộng	**46.761.098.850**	**(50.000.000.000)**	**21.477.206.668**	**2.721.878.896**	**(2.532.600.000)**	**18.427.584.414**

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết
Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết
Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	299.539.469	131.107.471
Chi phí dịch vụ	1.946.142.074	7.875.683.933
Cổ tức được chia	2.532.600.000	1.266.300.000

2c. *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	50.000.000.000	(16.474.988.870)	33.525.011.130	-	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.039.722.490	-	5.084.935.200	1.039.722.490	-	2.489.262.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	2.030.000.000	-	2.874.000.000	2.030.000.000	-	3.000.000.000
Cộng	**53.069.722.490**	**(16.474.988.870)**	**41.483.946.330**	**3.069.722.490**	**-**	**5.489.262.000**

Giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.623.447.138)	-
Tăng do chuyển khoản đầu tư vào công ty liên kết sang khoản đầu tư góp vốn đơn vị khác	(12.851.541.732)	-
Số cuối năm	**(16.474.988.870)**	**-**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	***2.083.749.568***	***404.042.131***
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	1.950.323.025	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	123.563.593	390.844.304
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	3.888.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	2.393.725	5.422.250
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	1.447.200	699.052
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.274.400	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	859.625	1.336.300
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	2.354.625
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	-	3.385.600
Phải thu các khách hàng khác	***45.119.367.442***	***45.546.110.202***
Cộng	**47.203.117.010**	**45.950.152.333**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây Dựng Vận Tải 68	-	1.045.265.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Á Châu	1.893.609.449	-
Công ty TNHH Kiểm toán VACO	738.895.012	-
Các nhà cung cấp khác	2.324.453.486	3.394.270.234
Cộng	**4.956.957.947**	**4.439.535.234**

Số dư khoản trả trước cho người bán liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản là 3.386.943.126 VND (số đầu năm là 3.210.406.561 VND).

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu liên quan đến Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1	4.016.570.551	-	4.016.570.551	-
Tạm ứng	995.861.724	-	1.394.570.280	-
Các khoản bảo hiểm bắt buộc trích theo lương	310.454.816	-	1.117.838.245	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	4.896.799.993	-	6.548.932.115	-
Khoản đặt cọc ngắn hạn	353.000.000	-	315.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.938.791.987	-	1.380.956.528	-
Cộng	**12.511.479.071**	**-**	**14.773.867.719**	**-**

6. Nợ xấu

Tập đoàn có các khoản nợ xấu của các khách hàng nợ tiền nước và nợ khác với thời gian quá hạn từ 06 tháng trở lên với tổng giá trị các khoản nợ xấu là 9.035.606.227 VND (số đầu năm là 4.616.405.175 VND).

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.476.508.563)	(3.300.951.663)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(175.556.900)
Hoàn nhập dự phòng	1.005.123.271	-
Số cuối năm	**(2.471.385.292)**	**(3.476.508.563)**

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	38.672.884.215	-	39.408.163.837	-
Công cụ, dụng cụ	279.856.692	-	161.558.172	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.705.180.504	-	5.420.826.522	-
Hàng hóa	104.773.878	-	40.258.519	-
Cộng	**41.762.695.289**	-	**45.030.807.050**	-

8. Chi phí trả trước

8a. *Chi phí trả trước ngắn hạn*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	-	2.091.663
Chi phí bảo hiểm	257.015.879	182.977.955
Chi phí sửa chữa	-	18.741.215
Cộng	**257.015.879**	**203.810.833**

8b. *Chi phí trả trước dài hạn*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	1.992.172.682	4.377.259.003
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.683.283.263	1.148.121.028
Cộng	**5.675.455.945**	**5.525.380.031**

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	998.091.557.164	1.185.800.285.822	2.905.711.866.084	51.603.345.192	7.900.515.048	5.149.107.569.310
Mua trong năm	-	1.902.210.591	-	370.000.000	-	2.272.210.591
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	891.186.755	18.748.676.025	217.627.634.428	-	-	237.267.497.208
Bất động sản đầu tư chuyển sang	1.269.760.507	-	-	-	-	1.269.760.507
Thanh lý	(2.346.963.611)	-	-	-	-	(2.346.963.611)
Phân loại lại	233.960.088	(233.960.088)	-	-	-	-
Số cuối năm	**998.139.500.903**	**1.206.217.212.350**	**3.123.339.500.512**	**51.973.345.192**	**7.900.515.048**	**5.387.570.074.005**
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	290.569.463.722	338.436.703.818	289.225.130.523	38.275.701.341	6.559.909.270	963.066.908.674
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	551.198.597.237	820.241.440.021	1.323.549.054.405	50.630.581.124	7.237.884.204	2.752.857.556.991
Khấu hao trong năm	38.901.285.949	79.317.673.294	169.773.752.859	922.530.379	124.797.720	289.040.040.201
Bất động sản đầu tư chuyển sang	496.264.211	-	-	-	-	496.264.211
Thanh lý	(1.978.324.178)	-	-	-	-	(1.978.324.178)
Số cuối năm	**588.617.823.219**	**899.559.113.315**	**1.493.322.807.264**	**51.553.111.503**	**7.362.681.924**	**3.040.415.537.225**
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	446.892.959.927	365.558.845.801	1.582.162.811.679	972.764.068	662.630.844	2.396.250.012.319
Số cuối năm	**409.521.677.684**	**306.658.099.035**	**1.630.016.693.248**	**420.233.689**	**537.833.124**	**2.347.154.536.780**
Trong đó:						
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 985.966.920.144 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (xem thuyết minh số V.19b)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chi phí quy hoạch bản đồ	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	350.929.202.176	2.814.843.027	2.789.705.088	356.533.750.291
Mua trong năm	-	-	150.000.000	150.000.000
Số cuối năm	**350.929.202.176**	**2.814.843.027**	**2.939.705.088**	**356.683.750.291**
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	150.000.000	1.274.564.000	2.469.705.088	3.894.269.088
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	60.424.637.360	1.833.699.073	2.553.677.318	64.812.013.751
Khấu hao trong năm	7.255.724.676	61.611.160	150.831.566	7.468.167.402
Số cuối năm	**67.680.362.036**	**1.895.310.233**	**2.704.508.884**	**72.280.181.153**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	290.504.564.816	981.143.954	236.027.770	291.721.736.540
Số cuối năm	**283.248.840.140**	**919.532.794**	**235.196.204**	**284.403.569.138**
Trong đó:				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 276.538.624.882 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.19b).

11. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.269.760.507	447.794.858	821.965.649
Khấu hao trong năm		48.469.353	
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.269.760.507)	(496.264.211)	
Số cuối năm	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	*5.783.119*	*420.667.510*	*(374.480.446)*	-	*51.970.183*
Xây dựng cơ bản dở dang	*146.950.940.153*	*214.305.214.411*	*(213.848.504.502)*	-	*147.407.650.062*
• *Dự án Nhơn Trạch giai đoạn 1*	*21.018.104.772*	-	-	-	*21.018.104.772*
• *Dự án Nhơn Trạch giai đoạn 2*	*86.313.722.950*	*65.554.982*	-	-	*86.379.277.932*
• *Dự án Thiện Tân giai đoạn 2*	*20.490.518.415*	-	-	-	*20.490.518.415*
• *Các dự án khác*	*19.128.594.016*	*214.239.659.429*	*(213.848.504.502)*	-	*19.519.748.943*
Sửa chữa lớn tài sản cố định	*3.293.349.539*	*22.668.359.029*	*(23.044.512.260)*	*(1.132.436.383)*	*1.784.759.925*
Cộng	**150.250.072.811**	**237.394.240.950**	**(237.267.497.208)**	**(1.132.436.383)**	**149.244.380.170**

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***1.415.931.803***	**7.944.708.684**
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	1.325.962.997	7.565.066.683
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	57.430.000	57.430.000
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	32.538.806	-
Công ty cổ phần Sonadezi An Bình	-	322.212.001
Phải trả các nhà cung cấp khác	***97.439.139.773***	**57.629.237.142**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	26.398.160.898	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Anh	17.805.555.389	507.588.955
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	8.127.164.980	5.440.907.700
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	5.630.627.651	4.083.561.011
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ – Kỹ thuật Đức Hùng	3.165.737.862	5.549.554.477
Công ty Cổ phần DNP Holding	3.010.251.666	6.859.708.901
Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ cao HTC	194.157.680	7.730.352.015
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	4.272.900.480	3.044.766.840
Các nhà cung cấp khác	28.834.583.167	24.412.797.243
Cộng	**98.855.071.576**	**65.573.945.826**

Số dư khoản phải trả người bán liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản là 6.380.946.645 VND (số đầu năm là 24.049.689.774 VND).

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước

14a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chủ yếu khoản khách hàng trả trước tiền thi công hệ thống cấp, thoát nước.

14b. Người mua trả tiền trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của bên liên quan	***2.000.000.000***	***2.000.000.000***
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	2.000.000.000	2.000.000.000
Trả trước của khách hàng khác	***4.667.913.192***	***4.669.755.089***
Công ty Cổ phần Đô thị Amata Long Thành	4.667.913.192	4.669.755.089
Cộng	**6.667.913.192**	**6.669.755.089**

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	171.494.670	20.848.411.195	(20.676.916.525)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.571.182.153	-	20.452.203.257	(22.538.302.135)	4.485.083.275	-
Thuế thu nhập cá nhân	136.726.904	-	4.556.425.185	(4.375.960.151)	317.191.938	-
Thuế tài nguyên	760.428.818	-	8.751.655.885	(8.798.238.698)	713.846.005	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.213.947	-	1.154.824.596	(1.053.571.056)	102.467.487	-
Các loại thuế khác	-	-	20.000.000	(20.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.235.782.296	-	54.882.600.171	(55.042.778.673)	4.075.603.794	-
Cộng	**11.705.334.118**	**171.494.670**	**110.666.120.289**	**(112.505.767.238)**	**9.694.192.499**	**-**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

• Dịch vụ lắp đặt công trình từ nguồn kinh phí cộng đồng	Không chịu thuế
• Dịch vụ cấp nước cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất	0%
• Dịch vụ cấp nước cho các đối tượng khác	5%
• Các dịch vụ khác	10%

Riêng từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023 các công ty trong Tập đoàn được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ được quy định theo theo Nghị định số Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ hướng dẫn nghị quyết số 103/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc Hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn xác định thuộc đối tượng hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, đáp ứng tiêu chí về cơ sở xã hội hóa theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Trước khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp Tập đoàn chưa được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo lĩnh vực ưu đãi thuế. Do đó Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo đối với hoạt động được hưởng ưu đãi. Thu nhập từ các hoạt động khác Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	16.971.107.465	19.555.522.265
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	1.891.700.517	2.204.481.313
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	1.589.395.275	1.400.871.031
Cộng	**20.452.203.257**	**23.160.874.609**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác tài nguyên nước với mức thuế suất 1% trên sản lượng khai thác nước mặt và thuế suất 5% trên sản lượng khai thác nước ngầm. Giá tính thuế theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	4.971.994.000	6.465.839.231
Chi phí lắp đặt	1.398.489.868	3.094.602.823
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.509.438.347	4.497.553.043
Cộng	**12.879.922.215**	**14.057.995.097**

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan – Cọc vỏ bình nước Doriv	***12.030.000***	***12.030.000***
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	***13.725.187.301***	**11.943.305.381**
Kinh phí công đoàn	1.488.670.812	1.488.670.812
Phí bảo vệ môi trường	3.609.507.040	3.433.861.796
Phí dịch vụ môi trường rừng	1.501.441.866	1.618.510.610
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	780.963.680	531.513.925
Phải trả tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng	2.034.416.320	2.034.416.320
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.310.187.583	2.836.331.918
Cộng	**13.737.217.301**	**11.955.335.381**

18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Di dời trạm bơm nước thô Biên Hòa	1.308.800.500	1.905.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	17.250.000	17.250.000
Cộng	**1.326.050.500**	**1.922.250.000**

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay

19a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	***42.035.880.515***
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	-	24.434.136.561
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	-	17.601.743.954
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	***222.076.755.395***	***207.715.713.132***
Cộng	**222.076.755.395**	**249.751.593.647**

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	42.035.880.515	42.776.703.222	-	(84.812.583.737)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	207.715.713.132	-	222.076.755.395	(202.201.985.795)	(5.513.727.337)	222.076.755.395
Cộng	**249.751.593.647**	**42.776.703.222**	**222.076.755.395**	**(287.014.569.532)**	**(5.513.727.337)**	**222.076.755.395**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II (i)	496.846.227.968	670.110.748.522
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (ii)	156.804.702.330	102.356.284.896
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (iii)	49.879.469.600	54.647.279.940
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (iv)	32.432.287.412	42.706.687.412
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (v)	6.803.269.289	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (vi)	1.131.435.766	1.857.435.766
Cộng	**743.897.392.365**	**871.678.436.536**

(i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 18 – 25 năm, thời gian ân hạn từ 05 – 08 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

(ii) Khoản vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 – 10 năm, thời gian ân hạn từ 03 – 24 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh để đầu tư dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2 với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 25 năm, thời gian ân hạn 07 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để thanh toán các chi phí và giải ngân hoàn vốn để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.9).

(v) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa để thanh toán các chi phí và giải ngân hoàn vốn để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để thanh toán các chi phí và giải ngân hoàn vốn để cải tạo nâng công suất nhà máy nước Biên Hòa với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	222.076.755.395	207.715.713.132
Trên 01 năm đến 05 năm	658.507.975.419	714.640.413.227
Trên 05 năm	85.389.416.946	157.038.023.309
Cộng	**965.974.147.760**	**1.079.394.149.668**

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	871.678.436.536
Số tiền vay phát sinh	122.004.501.704
Số tiền vay đã trả	(6.606.383.877)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(222.076.755.395)
Chênh lệch tỷ giá	(21.102.406.603)
Số cuối năm	**743.897.392.365**

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí sửa chữa tài sản cố định. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	940.190.000
Tăng do trích lập	-	12.000.000.000
Sử dụng trong năm	-	(12.940.190.000)
Số cuối năm	**-**	**-**

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	47.175.989.463	29.200.131.570
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	29.634.490.623	28.619.449.211
Tăng khác	11.920.000	21.605.000
Chi quỹ	(19.356.160.505)	(10.665.196.318)
Số cuối năm	**57.466.239.581**	**47.175.989.463**

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày tại Phụ lục đính kèm.

22b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	120.000.000	120.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*120.000.000*	*120.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.000.000	120.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*120.000.000*	*120.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ 2023 ngày 19 tháng 4 năm 2023 như sau:

		VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	192.000.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	:	39.652.395.253
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi		23.791.437.152
• Trích Quỹ công tác xã hội cộng đồng		2.643.493.017
• Trích Quỹ thưởng người quản lý	:	757.020.000

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Công ty mẹ cũng đã quyết định chia cổ tức năm 2022 cho các cổ đông với tỷ lệ 16% trên vốn điều lệ, tương đương số tiền là 192.000.000.000 VND. Trong năm 2022, Công ty mẹ đã tạm ứng 3% cổ tức năm 2022 cho các cổ đông với số tiền 36.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 16/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 10 năm 2022.

Ngoài ra, Công ty mẹ cũng tạm ứng cổ tức năm 2023 cho các cổ đông với số tiền 48.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 21/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 10 năm 2023.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 23.098,63 USD (số đầu năm là 23.098,63 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước	1.157.572.815.625	1.156.044.217.946
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	35.116.572.934	57.127.213.028
Doanh thu bán nước tinh khiết	3.214.734.400	3.012.510.237
Doanh thu khác	270.404.629	431.031.040
Cộng	**1.196.174.527.588**	**1.216.614.972.251**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	67.385.890.200	64.356.752.175
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	52.171.206.834	52.336.227.795
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	22.822.064.400	21.062.064.710
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	1.540.170.133	844.300.354
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	636.149.735	618.483.700
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	567.109.800	510.705.275
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	329.523.000	108.518.775
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	220.634.000	292.861.024
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	104.761.000	70.287.058

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	91.471.000	115.287.500
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	55.065.000	12.481.825
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	50.685.500	37.758.955
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	24.840.000	15.581.692
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	24.805.500	25.173.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	12.496.000	14.076.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	13.460.000	11.945.425

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp nước	715.824.590.461	724.269.625.103
Giá vốn của dịch vụ lắp đặt	30.051.699.564	49.899.047.815
Giá vốn nước tinh khiết	2.345.930.523	2.232.523.149
Giá vốn khác	107.547.584	109.797.108
Cộng	**748.329.768.132**	**776.510.993.175**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	36.814.218.092	25.550.538.308
Cổ tức, lợi nhuận được chia	300.000.000	294.143.630
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	331.893.868	1.580.789.773
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	28.093.877.126	109.593.872.630
Cộng	**65.539.989.086**	**137.019.344.341**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	28.354.184.906	37.485.609.881
Dự phòng tổn thất đầu tư	3.623.447.138	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.807.640.878	766.885.473
Cộng	**33.785.272.922**	**38.252.495.354**

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	32.107.839.214	32.496.855.493
Chi phí vật liệu, bao bì	20.673.034.077	21.214.993.815
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.031.822.205	958.741.009
Chi phí khấu hao tài sản cố định	529.630.151	1.151.605.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.278.990.884	4.604.737.353
Các chi phí khác	5.459.995.542	7.877.056.199
Cộng	**65.081.312.073**	**68.303.989.402**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	50.744.066.774	44.085.841.847
Chi phí vật liệu quản lý	853.870.880	1.163.977.481
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.656.136.440	1.715.605.923
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.294.578.249	5.344.763.749
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	(1.005.123.271)	175.556.900
Thuế, phí và lệ phí	26.517.189	17.517.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.258.319.641	1.829.039.365
Các chi phí khác	12.749.659.492	12.250.813.520
Cộng	**68.578.025.394**	**66.583.115.974**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Phí bảo vệ môi trường được trích sử dụng	5.313.319.756	5.099.461.653
Thu cho thuê mặt bằng	401.085.000	444.060.000
Thu nhập khác	2.253.484.354	1.947.234.526
Cộng	**7.967.889.110**	**7.490.756.179**

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý tài sản cố định	480.120.915	9.783.906
Phạt vi phạm hành chính	-	1.019.431.202
Chi phí bảo vệ môi trường	2.365.386.401	2.369.130.000
Chi phí khác	1.338.582.340	814.423.540
Cộng	**4.184.089.656**	**4.212.768.648**

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	321.163.953.549	366.021.760.068
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(32.116.395.355)	(36.602.176.007)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	289.047.558.194	329.419.584.061
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	120.000.000	120.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**2.409**	**2.745**

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.267.755.506	76.832.489.311
Chi phí nhân công	254.443.466.179	238.435.933.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	296.556.676.956	321.031.435.017
Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.322.263.558	165.760.779.011
Chi phí khác	81.329.966.859	101.708.376.674
Cộng	**876.920.129.058**	**903.769.013.947**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Năm 2022 Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai đã tiến hành thanh tra trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (một công ty con trong Tập đoàn) và đã có Kết luận thanh tra số 02/KL-TT ngày 07 tháng 11 năm 2022.

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh đã chấp hành Kết luận thanh tra về lĩnh vực bảo vệ môi trường. Tuy nhiên về lĩnh vực đất đai và tài nguyên nước còn một số tồn tại Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh phải tiếp tục xử lý và thực hiện theo Kết luận thanh tra.

Cụ thể về lĩnh vực đất đai liên quan đến nghĩa vụ tài chính phải nộp tiền sử dụng đất của 12 thửa đất được giao (có diện tích 6.099,90 m^2), Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh đã nhiều lần gửi văn bản đến các Cơ quan của tỉnh Đồng Nai (Cục thuế, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên Môi trường và Văn phòng đăng ký đất đai) cùng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai để xin được xác định nghĩa vụ tài chính Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh phải nộp cho Nhà nước để hoàn thành công tác phát hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty. Tuy nhiên đến thời điểm này Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh vẫn chưa nhận được phản hồi của các Cơ quan quản lý nhà nước tỉnh Đồng Nai. Do đó, Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh cũng không có cơ sở để dự tính số tiền phải nộp (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ tài chính của các thửa đất này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty mẹ trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc	1.393.227.000	1.261.944.500
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1.695.313.400	1.539.728.000
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	1.388.934.000	1.265.088.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Văn Thiền	Phó Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên HĐQT (mới bổ nhiệm)	72.000.000	-
Ông Trần Trung Chiến	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	48.000.000
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc	1.095.626.000	88.440.000
Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	1.069.749.000	970.010.000
Cộng		**7.002.849.400**	**5.461.210.500**

Thu nhập của Ban Kiểm soát

Thù lao của Ban Kiểm soát và tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty mẹ trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Công Hiếu	Trưởng ban (đã miễn nhiệm)	53.926.000	389.303.500
Bà Lê Thị Ngọc Sáu	Trưởng ban	1.030.233.000	518.820.000
Bà Tăng Tố Vân	Thành viên (đã miễn nhiệm)	15.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Duy Khang	Thành viên (mới bổ nhiệm)	45.000.000	-
Cộng		**1.204.159.000**	**1.028.123.500**

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi		
Chi phí dịch vụ	239.833.347	189.170.785
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình		
Chi phí dịch vụ	-	7.677.168.130
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi		
Chi phí dịch vụ	111.000.000	5.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi		
Chi phí dịch vụ	26.300.000	14.900.000
Cổ tức được chia	300.000.000	199.978.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai		
Cho thuê mặt bằng	36.000.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức		
Cổ tức được chia	-	95.010.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.13, V.14 và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận
Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn là cung cấp nước (chiếm đến 96,77% doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ). Toàn bộ doanh thu của Tập đoàn được tạo ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đồng Nai, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Hoàng Anh Phương	**Nguyễn Thu Oanh**	**Phạm Thị Hồng**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.200.000.000.000	118.520.157.819	26.218.693.500	(64.235.766.100)	121.215.711.275	531.421.429.758	111.461.206.962	2.044.601.433.214
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	366.021.760.068	12.476.012.724	378.497.772.792
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	41.590.234.514	(68.793.043.554)	(1.416.640.171)	(28.619.449.211)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(180.000.000.000)	(7.545.013.560)	(187.545.013.560)
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty	-	-	-	-	-	(7.888.059.864)	-	(7.888.059.864)
Số dư cuối năm trước	**1.200.000.000.000**	**118.520.157.819**	**26.218.693.500**	**(64.235.766.100)**	**162.805.945.789**	**640.762.086.408**	**114.975.565.955**	**2.199.046.683.371**
Số dư đầu năm nay	1.200.000.000.000	118.520.157.819	26.218.693.500	(64.235.766.100)	162.805.945.789	640.762.086.408	114.975.565.955	2.199.046.683.371
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	321.163.953.549	10.829.359.724	331.993.313.273
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	44.000.256.291	(72.455.470.399)	(1.179.276.515)	(29.634.490.623)
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư của công ty liên kết khi ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu (xem thuyết minh V.2b)	-	-	-	-	-	8.625.664.936	-	8.625.664.936
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty	-	-	-	-	-	(7.888.059.864)	-	(7.888.059.864)
Số dư cuối kỳ này	**1.200.000.000.000**	**118.520.157.819**	**26.218.693.500**	**(64.235.766.100)**	**206.806.202.080**	**686.208.174.630**	**118.031.887.864**	**2.291.549.349.793**

Đồng Nai, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Hoàng Anh Phương	**Nguyễn Thu Oanh**	**Phạm Thị Hồng**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

DOWACO

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Phạm Thị Hồng